

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
ĐẶNG THỊ KIM NGÀ - XUÂN THỊ NGUYỆT HÀ - NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN

TÀI LIỆU HỌC XÓA MÙ CHỮ
TIẾNG VIỆT
KỲ 2

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

KÝ HIỆU DÙNG TRONG TÀI LIỆU



Hỏi



Đọc



Nghe - Nói



Viết, Tập viết, Chính tả



Luyện tập gắn với bài đọc
Luyện từ và câu



Vận dụng

M

Mẫu

G

Gợi ý

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu Học Xóa mù chữ Tiếng Việt - Kỳ 2 dành riêng cho các học viên theo học Chương trình xóa mù chữ tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục được phép tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên về xóa mù chữ. Tài liệu này giúp học viên có được những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Việt Nam, có kỹ năng sử dụng tiếng Việt để học tập mà còn có thể hành dụng trong đời sống hằng ngày và trong giao tiếp xã hội. Qua đó, các học viên được bồi đắp tình yêu tiếng Việt, hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt, góp phần tạo nên nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Để học tốt môn Tiếng Việt, học viên hãy làm theo hướng dẫn của các thầy cô, tham gia các hoạt động giáo dục do giáo viên tổ chức. Đặc biệt, học viên hãy tích cực trao đổi, thảo luận nhóm trong các hoạt động hình thành kiến thức và vận dụng vào cuộc sống. Làm được điều đó học viên sẽ nuôi dưỡng tình yêu tiếng Việt và yêu thích môn học này.

Hy vọng cuốn sách này sẽ là người bạn đồng hành, thân thiết, gắn bó với các học viên trong suốt cả kỳ học.

Chúc các anh/chị học viên học tập chăm chỉ và thành công.

Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn và mong nhận được những đóng góp quý báu của các bạn đọc để Tài liệu này được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Trân trọng!

Các tác giả

MỤC LỤC

BÀI 1: Một sáng thu xưa	5	BÀI 20: Chiếc rế đa tròn	69
BÀI 2: Chiều biên giới.....	9	BÀI 21: Trái chín	73
BÀI 3: Bầu trời tự do	12	BÀI 22: Chim rừng Tây Nguyên.....	77
BÀI 4: Học hay, làm giỏi	16	BÀI 23: Mồ côi xử kiện	80
BÀI 5: Khi trang sách mở ra.....	20	BÀI 24: Quê mới.....	83
BÀI 6: Người thầy của muôn đời	23	BÀI 25: Âm thanh thành phố.....	86
BÀI 7: Món quà quý nhất.....	27	BÀI 26: Rừng gỗ quý.....	89
BÀI 8: Tục ngữ về nghề nghiệp	30	BÀI 27: Tiếng chổi tre	92
BÀI 9: Chị Lý làm giàu	33	BÀI 28: Môi trường sống của chúng ta	95
BÀI 10: Cây cầu.....	37	BÀI 29: Sự tích Hồ Gươm.....	98
BÀI 11: Tục ngữ về cuộc sống	40	BÀI 30: Việt Nam quê hương ta.....	101
BÀI 12: Tay trái và tay phải.....	43	BÀI 31: Phong cảnh quê Bác.....	104
BÀI 13: Quà tặng cha	45	BÀI 32: Từ chú bò câu đến in-tơ-nét.....	108
BÀI 14: Gặp lá cơm nếp.....	49	BÀI 33: Cá sấu sợ cá mập	111
BÀI 15: Hai anh em	52	BÀI 34: Một số thư viện nổi tiếng trên thế giới	114
BÀI 16: Bàn chân kì diệu.....	56	BÀI 35: Ôn tập	117
BÀI 17: Tiếng kèn cô nuôi cá	59		
BÀI 18: A Cháng đi cày.....	63		
BÀI 19: Ôn tập	66		

BÀI 1: MỘT SÁNG THU XƯA



ĐỌC

MỘT SÁNG THU XƯA



Bác Hồ nói chuyện với Đại đoàn quân Tiên Phong
tại Đền Hùng ngày 19/9/1954. Ảnh: Tư liệu

Sáng hôm ấy, Bác Hồ đến thăm Đền Hùng và gặp các chiến sĩ đại đoàn Quân Tiên Phong. Bác nhìn khắp lượt các chiến sĩ ra đón, rồi hỏi:

- Các chú có khoẻ không?

- Thưa Bác khoẻ ạ!

Bác lại hỏi:

- Các chú có biết đền thờ ai đây không?

Một chiến sĩ đứng gần thưa với Bác:

- Đền thờ một ông vua ạ!

- Nhưng vua nào? - Bác mỉm cười trìu mến nhìn bộ đội.

Một cán bộ trả lời:

- Dạ, vua Hùng!

- Thế các chú có biết vua Hùng là ông vua thế nào không?

Tất cả đều lặng im. Bác giải thích:

- Vua Hùng là ông vua có công dựng nước, chính là ông Tổ của nước Việt Nam ta.

Rồi Bác ân cần dặn mọi người: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.


Lời Bác Hồ dạy giản dị mà đầy ý nghĩa, còn vang vọng mãi trong lòng mọi người.

(Theo Đoàn Minh Tuấn)

Từ ngữ:

- Thu xưa: mùa thu năm 1954, lúc thực dân Pháp thua sắp rút khỏi miền Bắc.

- Đại đoàn Quân Tiên Phong: tên một đơn vị chủ lực của ta, đã lập nhiều chiến công trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

-  1. Bác Hồ gặp gỡ và nói chuyện với các chiến sĩ ở đâu?
2. Qua cuộc trò chuyện, Bác Hồ muốn các chiến sĩ biết được những điều gì?
3. Theo bạn, các chiến sĩ đã nhận biết trách nhiệm của mình là gì qua lời dặn của Bác?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Xếp các từ ngữ dưới đây thành 2 nhóm:

- Từ ngữ nói về hoạt động dựng nước (dựng xây đất nước).

- Từ ngữ nói về hoạt động giữ nước (bảo vệ, giữ gìn đất nước).



2. Đặt 1- 2 câu với từ ngữ ở bài 1



NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện

MỘT SÁNG THU XƯA

1. Kể lại câu chuyện

G:

- a) Đến thăm Đền Hùng, Bác Hồ hỏi các chiến sĩ đại đoàn Quân Tiên Phong điều gì?
- b) Bác Hồ đã giải thích thế nào về vua Hùng?
- c) Bác đã dặn các chiến sĩ điều gì?

2. Nêu suy nghĩ của bạn về trách nhiệm của người công dân đối với đất nước



CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết

ĐẤT NƯỚC

Trời xanh đây là của chúng ta
 Núi rừng đây là của chúng ta
 Những cánh đồng thơm mát
 Những ngả đường bát ngát
 Những dòng sông đỏ nặng phù sa.
 Nước chúng ta
 Nước những người chưa bao giờ khuất
 Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
 Những buổi ngày xưa vọng nói về...

(Nguyễn Đình Thi)

2. Chọn c hoặc k thay cho ô trống

☐ông dân ☐ộng đồng ☐iến thiết điệu ☐ì ☐tim iếm

3. Tìm và viết 2 – 4 từ ngữ có tiếng mở đầu bằng c hoặc k



VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN THUẬT VIỆC

1. Kể lại sự việc được thể hiện trong tranh bằng 3 – 4 câu



2. Viết lại các câu đã kể



Vận dụng: Viết vào sổ tay điều mình muốn làm, muốn đạt được trong cuộc sống.

BÀI 2: CHIỀU BIÊN GIỚI



ĐỌC

CHIỀU BIÊN GIỚI (Trích)

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào đẹp hơn
Khi mùa hoa đào nở
Khi mùa sỏ ra cây
Lúa lượn bậc thang mây
Mùi toả ngát hương bay.
Chiều biên giới em ơi
Rừng chẳng dây điện sáng
Ta nghe tiếng máy gọi
Như nghe tiếng cuộc đời
Lòng ta thắm mê say
Trên nông trường lộng gió
Rộng như trời mênh mông...
Chiều biên giới em ơi
Nghe con sông chảy xiết
Nghe con suối thác đổ
Hồn ta như ngọn gió
Thổi giữa trời quê hương.

(Lò Ngân Sủn)



- ❓ 1. Cảnh vật chiều biên giới hiện ra như thế nào qua lời chàng trai?
2. Tìm những chi tiết cho thấy nhịp sống sôi động trên nông trường vùng biên giới?
3. Theo bạn, khổ thơ cuối muốn nói điều gì về tuổi trẻ?
- * Học thuộc lòng đoạn thơ yêu thích.



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ có nghĩa giống với mỗi từ dưới đây:



2. Tìm từ ngữ gọi tên các cảnh vật của vùng biên giới.

M: rừng



LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ VÀ CÂU

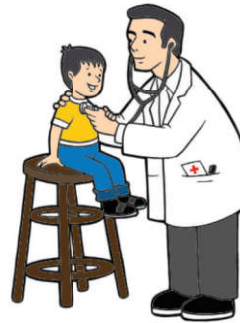
1. Đọc các từ. Chọn từ thích hợp với mỗi tranh.



được sĩ



bác sĩ



nhạc sĩ

ca sĩ

họa sĩ

2. Đặt 3 câu chứa từ đã chọn cho mỗi tranh

3. Ghép từ ở cột A với từ ở cột B để tạo thành câu

Núi
Biển
Suối
Gió

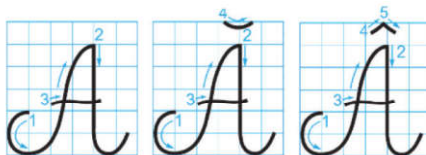
mênh mông
vi vu
róc
cao vút



TẬP VIẾT

CHỮ VIẾT HOA A Ẻ Â

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Anh em thuận hoà là nhà có phúc.
- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.



VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN THUẬT VIỆC

Đề bài: Viết 4 – 5 câu kể lại một sự việc em đã tham gia hoặc chứng kiến

1. Dựa vào gợi ý dưới đây, viết đoạn văn theo yêu cầu

G:

- Nêu tên sự việc (nói rõ sự việc tham gia hay chứng kiến)
- Kể lại diễn biến sự việc:
 - + Đầu tiên (...)
 - + Tiếp theo (...)
 - + Cuối cùng (...)
- Suy nghĩ, cảm xúc sau khi tham gia hoặc chứng kiến sự việc.

2. Chỉnh sửa bài viết theo góp ý



Vận dụng: Liệt kê các bước thực hiện một công việc sẽ làm hoặc cần làm.

BÀI 3: BẦU TRỜI TỰ DO



ĐỌC

BẦU TRỜI TỰ DO



Một cậu bé xách lồng chim đến bên gốc cây có con chim đang đậu trên cành và nói:

- Chim ơi, xuống đây! Hãy bay vào lồng, về với ta! Trong lồng có sẵn gạo ăn, nước uống, ta lại bắt sâu cho nữa, chẳng phải khó nhọc, vất vả, chẳng sợ mưa gió bão táp.

Con chim liền trả lời:

- Xin cảm ơn lòng tốt của cậu! Nhưng ta không muốn sống trong chiếc lồng tù túng đó. Ta thích bầu trời tự do. Ta muốn ăn các thứ tự ta kiếm lấy. Mưa sa gió táp sẽ giúp ta khỏe mạnh, cứng cáp hơn.

Nói rồi chim bay đi.

(Theo Truyện ngụ ngôn Việt Nam)



1. Cậu bé mong muốn điều gì khi mang lồng đến bên gốc cây?
2. Theo cậu bé, cuộc sống trong lồng có gì thú vị đối với chú chim?
3. Câu chuyện muốn nhắn nhủ các bạn trẻ điều gì?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ phù hợp với mỗi nhóm dưới đây:

Cuộc sống mong muốn	tự do, khỏe mạnh, ...
Cuộc sống không theo mong muốn	khó nhọc, vất vả, ...

2. Viết 2 – 3 câu nói về cuộc sống em mong ước.



NÓI VÀ NGHE

ƯỚC MƠ CỦA MỖI NGƯỜI

1. Chuẩn bị ý kiến để trình bày

G:

- Bạn ước mơ điều gì?
- Vì sao bạn có ước mơ đó?
- Bạn đã hoặc sẽ làm gì để có thể biến ước mơ thành hiện thực?

2. Chia sẻ về ước mơ của mình

G:

- Đóng vai phóng viên để hỏi – đáp về ước mơ.
- Chú ý nói và đáp lời chào giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn sao cho phù hợp với tình huống xây dựng.



CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết:

BÀI CA VỠ ĐẤT

Bàn tay lao động
Ta gieo sự sống
Trên từng đất khô.
Bàn tay cần cù.
Mặc dù nắng cháy

Khoai trồng thắm rẫy
Lúa cấy xanh rùng.
Hết khoai ta lại gieo vừng.
Không cho đất nghỉ, không ngừng tay ta.
(Hoàng Trung Thông)

2. Chọn g hoặc gh thay cho ô trống

☐ánh vác ☐ềnh thác ☐ấp khúc kêu ☐gọi yêu ☐ét

3. Tìm và viết 2 – 4 từ ngữ có tiếng mở đầu bằng g hoặc gh



ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc bài thơ dưới đây và trả lời câu hỏi:

TIẾNG MÙA XUÂN

Tôi đi dọc bờ sông
Nghe thầm thì tiếng đất
Lá mía kêu xào xạc...
Mầm ngô lên xanh non
Bãi dâu vào mùa ngon
Quả từng chùm chiu chít
Cà chua hồng giấu mặt
Sau chùm lá đung đưa
Thuyền đón gió ngoài xa
Lưới long lanh vẫy cá
Cát cựa mình lấp loá
Muốn cùng vôi lên tầng
Đất nằm im dưới chân
Nói bằng cây bằng trái
Dòng sông trôi mê mãi

Gửi lời vào phù sa...
Tiếng đất trời bao la
Cả chiều xuân vang động.

(Phan Thị Thanh Nhàn)

- a. Tìm đặc điểm nào chung của mọi vật trong mùa xuân?
- b. Theo bạn, vì sao bài thơ có nhan đề là “Tiếng mùa xuân”?

2. Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của bạn về bài thơ



Vận dụng: Tìm đọc thêm câu chuyện, bài thơ, bài văn nói về ước mơ của tuổi trẻ.

Chủ điểm Chuyện học hành

BÀI 4: HỌC HAY, LÀM GIỎI



ĐỌC

HỌC HAY, LÀM GIỎI



Bùi Xương Trạch là con một gia đình nông dân nghèo, từ nhỏ đã quen việc đồng áng. Bố mẹ cho đi học nhưng ông vẫn rất chăm làm. Khi đi bừa, ông thường buộc sách vào tay bừa để vừa bừa vừa ôn bài. Nhà nghèo, không có tiền mua dầu thắp, ông bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng để lấy ánh sáng đọc sách.

Trong kì thi Hội, mỗi bài thi cách nhau mười hôm, ông đều tranh thủ về nhà ôn thi và ra đồng cày cấy, không bỏ phí một ngày.

Sau kì thi cuối, các thí sinh đều háo hức chờ kết quả thi, riêng ông vẫn về đi cày. Khi xướng danh, bạn bè thấy tên ông, đã cử người về tận làng báo cho ông biết thì thấy ông đang cuốc đất. Lúc đó, ông mới vội thay quần áo chỉnh tề để lên kinh đô.

Năm 27 tuổi, ông đỗ tiến sĩ. Tuy làm đến chức Thượng thư nhưng ông vẫn nổi tiếng tiết kiệm và liêm khiết. Ông từng giữ chức Tế tửu Quốc Tử Giám. Ông mất năm 79 tuổi.

(Theo Kể chuyện gương hiếu học)

Từ ngữ:

- Bùi Xương Trạch: Danh nhân Việt Nam thời Lê Sơ, quê ở làng Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

- Kì thi Hội: kì thi thời phong kiến, thường lệ 3 năm tổ chức 1 lần tại kinh đô để tuyển chọn người có tài, học rộng.

- Xướng danh: gọi to tên những người thi đỗ trước đám đông.

- Liêm khiết: có phẩm chất trong sạch, không tham ô, không nhận hối lộ.

- Quốc Tử Giám: trường học xưa, có nhiệm vụ đào tạo người tài làm quan cho cả nước.

- Tế tửu: hiệu trưởng trường Quốc Tử Giám.



1. Nhờ đâu mà Bùi Xương Trạch học giỏi, đạt kết quả cao trong thi cử?

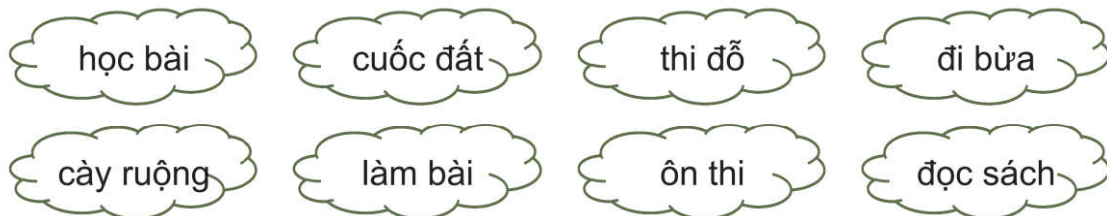
2. Những chi tiết nào cho thấy Bùi Xương Trạch không chỉ chăm học mà còn rất chăm làm?

3. Theo bạn, Bùi Xương Trạch có những phẩm chất gì đáng quý trọng?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Xếp các từ ngữ dưới đây thành 2 nhóm:



2. Đặt 1 – 2 câu với từ ngữ ở bài 1.



NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện

HỌC HAY, LÀM GIỎI

1. Kể lại câu chuyện

G:

a) Bùi Xương Trạch chăm học, siêng làm như thế nào:

- Khi còn ở nhà cùng bố mẹ.

- Khi đi thi

b) Bùi Xương Trạch làm gì trong thời gian chờ kết quả thi?

c) Vì sao Bùi Xương Trạch được mọi người yêu mến và kính trọng?

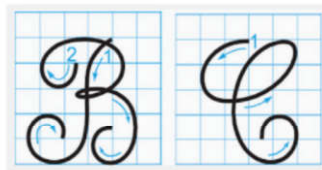
2. Trao đổi: Chúng ta có thể học được gì từ tấm gương ông Bùi Xương Trạch?



TẬP VIẾT

CHỮ VIẾT HOA B C

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Bảy mươi còn học bảy mốt.

- Có học có hay, có cày mới giỏi.



VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ ĐỒ VẬT

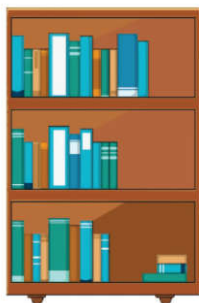
1. Quan sát các tranh dưới đây, nói về một vật trong tranh:

G:

- Bạn muốn nói về đồ vật nào?



Sổ ghi chép
gáy lò xo



Giá sách và
bàn nhỏ bằng gỗ



Ba lô bằng cói

- Đồ vật đó được làm bằng gì?
- Đồ vật đó có những bộ phận nào?
- Đồ vật đó có tác dụng gì?
- Đồ vật đó có gì đẹp hoặc có gì tiện lợi?

Sổ ghi chép giấy lò xo

Giá sách và bàn nhỏ bằng gỗ

Ba lô bằng cói

2. Dựa vào những điều đã nói, viết 4 – 5 câu về một vật trong tranh



Vận dụng: Viết vào sổ tay ước muốn hoặc dự định của bản thân. Bạn sẽ học thêm những gì để mở mang hiểu biết và để lao động tốt hơn?

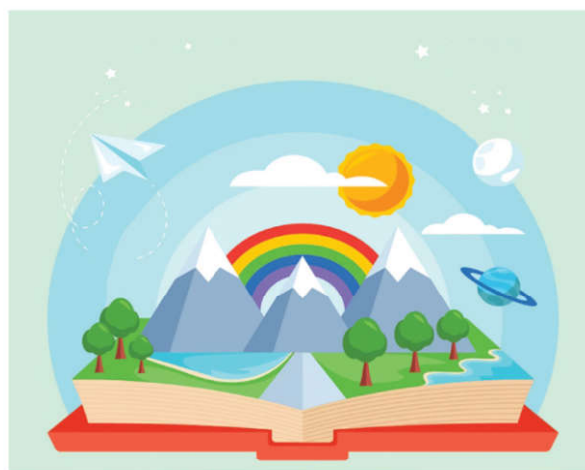
BÀI 5: KHI TRANG SÁCH MỞ RA



ĐỌC

KHI TRANG SÁCH MỞ RA

Khi trang sách mở ra
Khoảng trời xa xích lại
Bắt đầu là cỏ dại
Thứ đến là cánh chim
Sau nữa là trẻ con
Cuối cùng là người lớn.
Trong trang sách có biển
Em thấy những cánh buồm
Trong trang sách có rừng
Với bao nhiêu là gió.
Trang sách còn có lửa
Mà giấy chẳng cháy đâu
Trang sách có ao sâu
Mà giấy không hề ướt.



Trang sách không nói được
Sao em nghe điều gì
Dạt dào như sóng vỗ
Một chân trời đang đi.

(Nguyễn Nhật Ánh)



1. Theo bài thơ, ta có thể biết những điều gì qua các trang sách?
2. Bài thơ cho thấy sách có ý nghĩa như thế nào trong việc giúp mỗi người mở mang hiểu biết?
3. Theo bạn, tác giả bài thơ gửi gắm lời nhắn nhủ gì tới chúng ta?

* Học thuộc lòng đoạn thơ yêu thích.



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm trong bài thơ:

- a) Những từ ngữ chỉ đồ vật.
- b) Những từ ngữ nói về người
- c) Những từ ngữ nói về thiên nhiên

2. Nói những điều bạn biết về một đồ vật được nhắc tới trong bài thơ.



LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ CHỈ SỰ VẬT, CÂU GIỚI THIỆU

1. Viết 5 từ ngữ chỉ sự vật (người, đồ vật, con vật, cây cối,...) được vẽ trong tranh

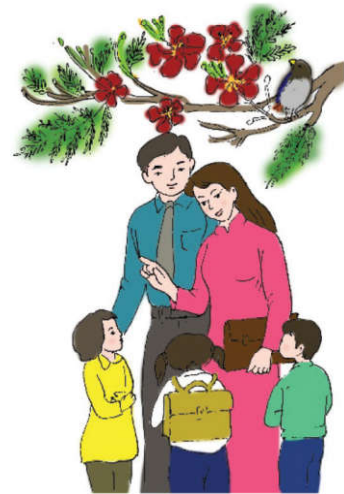
2. Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu giới thiệu em Nam

học sinh lớp 2 A

là

Em Nam

3. Đặt 3 câu giới thiệu một số sự vật được vẽ trong tranh



CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết:

NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI?
(Trích)

- Ngày hôm qua ở lại
Trong hạt lúa mẹ trồng
Cánh đồng chờ gặt hái
Chín vàng màu ước mong.

- Ngày hôm qua ở lại
Trong vở hồng của con
Con học hành chăm chỉ
Là ngày qua vẫn còn.

Bé Kiến Quốc



2. Chọn **ng** hoặc **nh** thay cho ô trống

□ập □ường □e □óng □ỉ □ơi □ảnh □ề

3. Tìm và viết 2 – 4 tiếng có **ng** hoặc **nh**



VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ ĐỒ VẬT

Đề bài: Viết 4 – 5 câu tả một dụng cụ lao động
(hoặc một đồ dùng học tập, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình).

1. Dựa vào gợi ý dưới đây, viết đoạn văn theo yêu cầu

G:

- Giới thiệu đồ vật (Đó là vật gì? Vật đó ở đâu hoặc của ai? ...)
- Đồ vật đó được làm bằng gì?
- Đồ vật đó có những bộ phận nào?
- Đồ vật đó có tác dụng gì?
- Đồ vật đó có gì đẹp hoặc có gì tiện lợi?



2. Chỉnh sửa bài viết theo góp ý.



Vận dụng: Viết vào sổ tay kế hoạch học tập của bản thân

G:

Thời gian	Những việc cần chuẩn bị	Những việc cần làm	Kết quả mong đợi
.....
.....

BÀI 6: NGƯỜI THẦY CỦA MUÔN ĐỜI



ĐỌC

NGƯỜI THẦY CỦA MUÔN ĐỜI



Chu Văn An học vấn tinh thông, tiếng tăm lừng lẫy nhưng không màng công danh mà ở nhà dạy học. Ông rất nghiêm khắc, trọng tài năng, không phân biệt trò giàu hay nghèo. Học trò của ông nhiều người đỗ đạt, thành tài. Vua Trần Minh Tông nghe tiếng, mời ông ra làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám và dạy các thái tử.

Thời vua Trần Dụ Tông, nịnh thần lũng đoạn, làm nhiều điều sai trái, Chu Văn An dâng sớ xin chém 7 gian thần. Vua không nghe. Ông bèn từ quan về ở ẩn, lại mở trường dạy dân quanh vùng.

Sau khi vua Dụ Tông băng hà, vua Trần Nghệ Tông lên ngôi, lại vời Chu Văn An làm quan nhưng ông vẫn khước từ.

Dù ông đã ở ẩn, trò cũ vẫn tìm về thăm. Những quan chức cao khi đến vẫn cúi lạy thầy rất cung kính. Họ thường kín đáo để lại quà biếu thầy. Khi biết được, ông đều tặng người nghèo.

Sau khi Chu Văn An qua đời, vua cho người đến tế và ra lệnh thờ ông ở Văn Miếu Quốc Tử Giám.

(Theo Kể chuyện danh nhân Việt Nam)

Từ ngữ:

- Tinh thông: hiểu biết tường tận, thấu đáo và có khả năng vận dụng thành thạo.

- Tư nghiệp (nghĩa trong bài): chức quan đứng đầu Quốc Tử Giám (thời Trần), phụ trách, quản lí việc giáo dục tại trường.

- Lũng đoạn (nghĩa trong bài): chi phối mọi việc nhằm giành lợi riêng hoặc gây rối loạn, phá hoại.

- Sớ (nghĩa trong bài): Tờ trình dâng lên vua, thường để báo cáo, đề nghị một việc gì đó.

 1. Những chi tiết nào cho thấy Chu Văn An là người thầy học vấn tinh thông, tiếng tăm lừng lẫy?

2. Vì sao có thể nói Chu Văn An là người thương dân, trọng lễ phải?

3. Tìm những chi tiết thể hiện tình cảm yêu quý, nể trọng mọi người dành cho thầy Chu Văn An.

Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ phù hợp với mong muốn của bạn về các thầy giáo (cô giáo):

Phẩm chất	cẩn thận, có trách nhiệm,...
Hoạt động	chia sẻ, giúp đỡ,...

2. Viết 2 – 3 câu về một thầy giáo hoặc cô giáo mà bạn quý mến.

NÓI VÀ NGHE

CHUYỆN HỌC HÀNH

1. Chuẩn bị ý kiến để trình bày

G:

a) Việc học đem lại cho chúng ta ích lợi gì?

b) Bạn mong ước sẽ đạt được điều gì sau khi học? Vì sao bạn mong ước điều đó?

c) Bạn đã hoặc sẽ làm gì để có thể biến ước mong của mình thành hiện thực?

2. Chia sẻ về ước mong của mình

G:

– Làm việc nhóm, lần lượt đóng vai phóng viên để hỏi – đáp về ước mong của từng người trong nhóm.

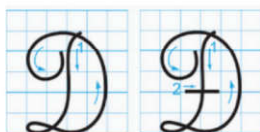
– Chú ý nói và đáp lời chào giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn sao cho phù hợp với tình huống xây dựng.



TẬP VIẾT

CHỮ VIẾT HOA D Đ

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Dao có mài mới sắc, người có học mới nên.
- Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.



ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc những câu tục ngữ sau

Tục ngữ về học và hành

- Có công mài sắt, có ngày nên kim.
- Không thầy đố mày làm nên.
- Có cày có thóc, có học có chữ.
- Luyện mãi thành tài, miệt mài tất giỏi.
- Dốt đến đâu, học lâu cũng biết.
- Học thầy không tày học bạn.
- Học hành vất vả, kết quả ngọt bùi.

a) Câu tục ngữ “Có công mài sắt, có ngày nên kim” khuyên ta điều gì?

b) Câu tục ngữ nào có ý nghĩa giống câu “Có công mài sắt, có ngày nên kim”?

2. Viết 2 – 3 câu nêu suy nghĩ của bạn về một câu tục ngữ trên đây



Vận dụng: Tìm đọc thêm câu chuyện, bài thơ, bài văn nói về ích lợi của việc học, những tấm gương học tập thành tài.

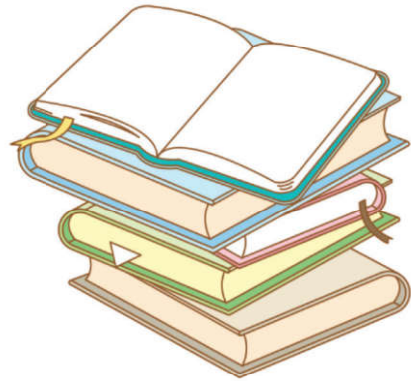
BÀI 7: MÓN QUÀ QUÝ NHẤT



ĐỌC

MÓN QUÀ QUÝ NHẤT

Ngày xưa, ở một ngôi làng nọ, có một gia đình sinh được ba anh em trai. Ba anh em đều ngoan ngoãn, chăm chỉ làm việc nhà giúp cha mẹ. Một hôm, thấy các con đã lớn, người cha muốn thử thách các con. Ông bảo các con hãy đi ra ngoài để tìm công việc và tự kiếm sống trong một năm. Vâng lời cha mẹ, ba anh em đều khăn áo ra đi. Khi trở về, ai cũng mang theo những món quà quý. Hai người em đem về rất nhiều tiền và ngọc ngà, châu báu, còn người anh cả thì chỉ có một chiếc túi cũ rất nặng.



Sau bữa cơm vui vẻ, người cha hỏi người con cả:

- Bấy lâu nay con đi đâu, làm gì?

- Thưa cha, con đi tìm thầy học những điều hay lẽ phải để dùng trong công việc hàng ngày.

Nói rồi, anh xin phép cha mở túi ra. Mọi người ngạc nhiên, trong túi toàn là sách.

Người cha mỉm cười hài lòng:

- Con đã làm đúng. Ai cũng cần phải học. Món quà của con mang về cho cha là món quà quý nhất.

(Theo Báo Thiếu niên Tiền phong)



1. Ba anh em đi xa nhà để làm gì?
2. Ai biếu cha mẹ nhiều ngọc ngà, châu báu?
3. Vì sao người cha quý món quà của người anh cả nhất?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Từ ngữ nào dưới đây chỉ hoạt động? Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

- A. sách
- B. học
- C. chăm chỉ

2. Tìm từ ngữ gọi tên các đồ dùng học tập.

M: sách



NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện

MÓN QUÀ QUÝ NHẤT

1. Kể lại câu chuyện

G:

a) Gia đình ở ngôi làng sinh được mấy người con? Người cha bảo các con điều gì?

b) Khi trở về, ba người con mang theo cái gì?

c) Người cha hỏi người anh cả điều gì?

d) Cuối câu chuyện, người cha nói gì?

2. Cùng trao đổi về ích lợi của việc đọc sách



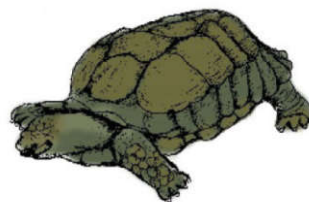
CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết (từ Nói rồi anh xin phép ... đến hết).

2. Chọn tr hoặc ch thay cho ô trống rồi giải câu đố.

Da ☐ầu đầu rắn
☐ân ngắn cổ dài
☐ẳng cần đào đất
 Vẫn cần đến mai.

(Là con gì?)



3. Chọn v hoặc d thay cho ô trống

chỉ ☐ấn ☐ấy chào ☐iệc làm ☐ổ dành



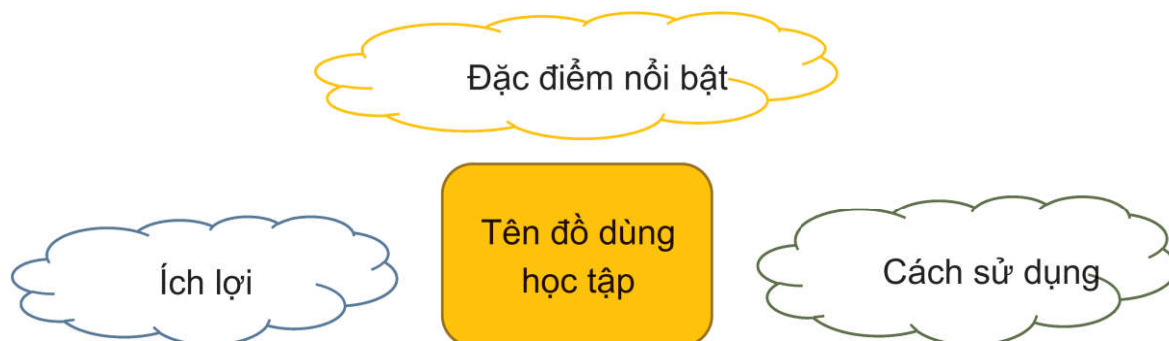
VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU ĐỒ VẬT

1. Quan sát tranh, nói tên một số đồ vật và nêu công dụng của chúng



2. Quan sát một đồ dùng học tập anh/chị thường sử dụng, chọn từ ngữ thích hợp để ghi chép lại kết quả quan sát



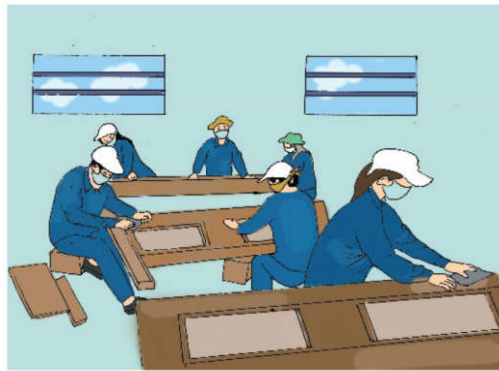
Vận dụng: Viết vào sổ tay một số lợi ích của việc đọc sách.

BÀI 8: TỤC NGŨ VỀ NGHỀ NGHIỆP



ĐỌC

TỤC NGŨ, THÀNH NGŨ VỀ NGHỀ NGHIỆP



- Sáng dĩa cưa, trưa mài đục.
 - Một đồng một giỗ chẳng bỏ nghề đâu.
 - Ruộng bẽ bẽ không bằng nghề trong tay.
 - Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.
 - Ăn kĩ no lâu, cày sâu lúa tốt.
 - Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh.
 - Tốt giống, tốt má, tốt mạ, tốt lúa.
 - Lúa chiêm lấp ló đầu bờ.
- Hễ nghe tiếng sấm phát cờ mà lên.
- Khoai đất lạ, mạ đất quen.
 - Ba tháng trồng cây không bằng một ngày trông quả.



1. Những câu tục ngữ, thành ngữ nào nói về kinh nghiệm trồng trọt?
 2. Câu tục ngữ, thành ngữ nào nói về tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp ổn định?
 3. Anh/chị thích nhất câu tục ngữ, thành ngữ nào? Vì sao?
- * Học thuộc lòng câu tục ngữ, thành ngữ anh/chị yêu thích.



Luyện tập gắn với bài đọc:

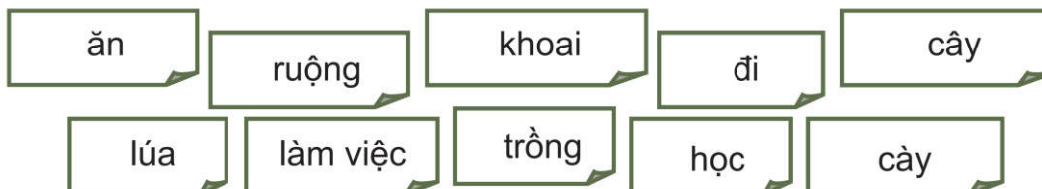
1. Anh/chị hiểu ý nghĩa câu tục ngữ “Một nghề cho chín còn hơn chín nghề” là gì?
2. Tìm từ ngữ chỉ nghề nghiệp của những người được vẽ trong tranh dưới đây.



LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ CHỈ HOẠT ĐỘNG CÂU NÊU HOẠT ĐỘNG

1. Sắp xếp các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp:



a) Từ ngữ chỉ sự vật.

M: ruộng

b) Từ ngữ chỉ hoạt động.

M: ăn

2. Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo thành câu nêu hoạt động

Mặt trời

đang cấy lúa trên cánh đồng.

Những người nông dân

hót líu lo trên cành cây cao.

Chú chim nhỏ

toả ánh nắng rực rỡ lên cánh đồng làng.

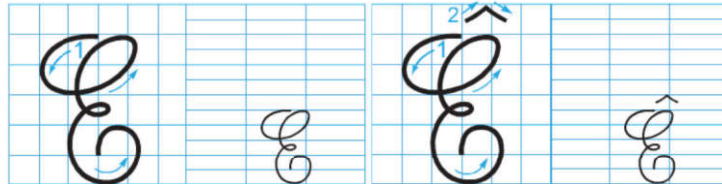
3. Đặt 1 - 2 câu nói về hoạt động ở lớp của anh/chị



TẬP VIẾT

CHỮ VIẾT HOA E Ê

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Én bay thấp, mưa ngập bờ ao.
- Éch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.



LUYỆN TẬP

VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU ĐỒ VẬT

Đề bài: Viết 3 – 4 câu giới thiệu về một đồ dùng học tập anh/chị thường sử dụng.

1. Dựa vào kết quả quan sát ở tuần trước, viết đoạn văn theo yêu cầu.
2. Chỉnh sửa bài viết theo góp ý.



Vận dụng: Viết vào sổ tay một số câu tục ngữ, thành ngữ về nghề nghiệp mà anh/chị yêu thích.

BÀI 9: CHỊ LÝ LÀM GIÀU



ĐỌC

CHỊ LÝ LÀM GIÀU



Chị Lý sống ở bản Nà Lừa miền núi Sơn Động. Nhà chị ở giữa bản, chật chội, không trồng được cây gì.

Chị nghe tin bên xã An Bá, bà con Sán Dìu nhận đất, nhận rừng làm ăn giàu có. Chị rủ chồng đi học hỏi cách làm ăn mới ở xã bạn.

Nhờ sự giúp đỡ về kỹ thuật của cán bộ lâm nghiệp huyện, chị ươm cây. Chị trồng cây theo cách nông lâm kết hợp. Trên đồi cao chị trồng cây lấy gỗ. Ở chỗ thấp, chị trồng cây ăn quả xen thêm rau, đậu.

Để có nước tưới, chị lấy tiền bán cây ươm, thuê người đắp bờ, đào ao giữ nước và thả cá.

Mới chỉ qua 5 năm, xung quanh nhà chị Lý đã có 8 mẫu cây lấy gỗ, có gần 200 cây ăn quả xum xuê tươi tốt.

(Theo Tài Liệu học xóa mù chữ Tiếng Việt 2 – NXB Giáo dục Việt Nam 2010)

Từ ngữ:

- Cán bộ lâm nghiệp: người làm về kĩ thuật trồng cây và khai thác rừng.
- Nông lâm: nông nghiệp và lâm nghiệp.



1. Gia đình chị Lý sinh sống ở đâu?
2. Chị Lý được cán bộ lâm nghiệp giúp đỡ làm gì?
3. Chị Lý đã trồng cây theo cách nào để mang lại hiệu quả kinh tế cao?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ phù hợp với mỗi nhóm dưới đây:

Cây lấy gỗ	bạch đàn, ...
Cây lương thực, thực phẩm	ngô, ...

2. Viết 1 - 2 câu về việc anh/chị mong muốn làm để tăng thêm thu nhập



NÓI VÀ NGHE

NGHỀ NÀO CŨNG QUÝ

1. Chuẩn bị ý kiến để trình bày

G:

- a) Bạn đang làm nghề gì (hoặc bạn thích nhất nghề gì)?
- b) Nghề của bạn đang làm có đặc điểm gì nổi bật (hoặc điều gì khiến bạn yêu thích nghề đó) ?
- c) Bạn đã hoặc sẽ làm gì để công việc của bạn có hiệu quả hơn? (hoặc bạn sẽ học tập như thế nào để sau này được làm nghề mà mình yêu thích).

2. Chia sẻ về ước mơ của mình

G:

- Làm việc nhóm, lần lượt đóng vai phóng viên để hỏi – đáp về nghề nghiệp của từng người trong nhóm.
- Chú ý nói và đáp lời chào giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn sao cho phù hợp với tình huống xây dựng.

3. Đóng vai, nói và đáp lời cảm ơn phù hợp với tình huống sau:

Một người bạn trong lớp có hoàn cảnh khó khăn, không đến lớp học thường xuyên được. Cả lớp tìm cách giúp đỡ bạn. Người bạn đó nói lời cảm ơn cả lớp.

CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết:

BÀI HÁT TRỒNG CÂY

(Trích)

Ai trồng cây

Người đó có tiếng hát

Trên vòm cây

Chim hót lời mê say.

Ai trồng cây

Người đó có ngọn gió

Rung cành cây

Hoa lá đùa lay lay.



Ai trồng cây

Người đó có bóng mát

Trong vòm cây

Quên nắng xa đường dài.

(Bé Kiến Quốc)




2. Điền vào chỗ trống:




a) (sao, xao): ngôi ; xôn

b) (sâu, xâu): kim; chim

c) (sổ, xổ): tay; số

3. Đánh dấu vào ô trước tên sự vật trong tranh

		
<input type="radio"/> chim sẻ <input type="radio"/> chim xẻ	<input type="radio"/> cái võng <input type="radio"/> cái võng	<input type="radio"/> bãi cỏ <input type="radio"/> bãi cỏ

		
<input type="radio"/> con muỗi <input type="radio"/> con muỗi	<input type="radio"/> cái chổi <input type="radio"/> cái chổi	<input type="radio"/> ngã ba đường <input type="radio"/> ngã ba đường



ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc truyện dưới đây và trả lời câu hỏi:

NGƯỜI LÀM VƯỜN VÀ CÁC CON TRAI

Người làm vườn muốn dạy nghề của mình cho các con trai. Khi ông sắp qua đời, ông gọi các con đến và bảo:

- Thế này các con nhé, khi nào bố chết, các con hãy tìm kỹ cái vật bố giấu trong vườn trồng nho.

Các con tưởng rằng ở đó có kho báu nên khi bố qua đời, họ đi đào xới rất kỹ đất ở khu vườn trồng nho. Họ đã không tìm thấy kho báu, nhưng đất ở vườn trồng nho được xới trộn rất kỹ, năm đó nho ra quả nhiều và rất to, rất ngon. Thế là họ bán được rất nhiều tiền và trở nên giàu có.



Lép Tôn – xtôi

(Trong tập Kiến & Chim bồ câu” - Thúy Toàn dịch)

- Người làm vườn đã dạy nghề cho các con bằng cách nào?
- Vì sao các con của người làm vườn trở nên giàu có?

2. Viết 2 – 3 câu nêu suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của câu chuyện.

Chủ điểm BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG

BÀI 10: CÂY CẦU



ĐỌC

CÂY CẦU

Hai anh em nhà nọ luôn yêu thương nhau, nhưng có một hiểu lầm nhỏ mà cả hai không nói chuyện với nhau. Một ngày, có người thợ mộc già đến nhà người anh hỏi xem có cần sửa chữa gì không?

Người anh dẫn người thợ mộc ra sau nhà và nói:

- Nhà bên cạnh là nhà em trai tôi. Em tôi đã cố ý trồng nhiều cây cao, đào rộng con lạch làm ranh giới giữa hai nhà. Bác hãy làm một hàng rào cao hơn hẳn cho tôi.

Đến tối, khi trở về, anh không tin vào mắt mình. Không có hàng rào mà chỉ có một cây cầu gỗ được chạm khắc rất tinh xảo. Cùng lúc người em đi qua, ôm lấy anh trai, khóc và nói:

- Anh, anh đã xây một cây cầu nối hai nhà. Em xin lỗi anh rất nhiều!

Người anh cũng ngượng nghịu nói:

- Anh cũng xin lỗi em! Chúng ta cần cảm ơn bác thợ mộc.

Hai anh em mời người thợ mộc ở lại ăn tối. Người thợ mộc nói:

- Cảm ơn các cậu. Tôi còn nhiều cây cầu cần làm và nhiều thứ cần sửa chữa ở những nơi khác.



(Theo Quang Lân)

Từ ngữ:

- Hiểu lầm: hiểu sai về hoạt động hoặc ý kiến của người khác.
- Con lạch: đường nước chảy hẹp, thông ra sông.
- Tinh xảo: rất khéo léo, tinh vi.



1. Tình cảm của hai anh em trước đây như thế nào?
2. Hai anh em đã làm gì khi hiểu lầm nhau?
3. Bác thợ mộc đã giải quyết mâu thuẫn giữa hai anh em bằng cách nào?
4. Câu chuyện muốn khuyên mọi người điều gì?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Nêu 2 - 3 thành ngữ, tục ngữ nói về tình cảm, cách ứng xử giữa anh chị em trong gia đình.
2. Tìm từ ngữ chỉ hành động trong các thành ngữ, tục ngữ tìm được ở bài 1.



NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện

CÂY CẦU

1. Kể lại câu chuyện

G:

- a) Vì sao hai anh em không còn yêu thương nhau?
- b) Người anh yêu cầu bác thợ mộc làm gì?
- c) Điều gì xảy ra khi người khi người anh trở về?
- d) Câu chuyện kết thúc như thế nào?

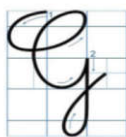
2. Nói suy nghĩ của bạn về cách đối xử với những người thân trong gia đình



TẬP VIẾT

CHỮ VIẾT HOA G H

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Gắn mực thì đen, gắn đèn thì rạng.
- Học ăn, học nói, học gói, học mở.



VIẾT ĐOẠN, BÀI

LỜI CẢM ƠN

1. Nêu một số tình huống cần gửi lời cảm ơn (viết bằng giấy hoặc nhắn tin qua điện thoại)?

G:

- Được người khác gửi quà tặng.
- Được nhận vào làm việc.
- Được người khác giúp đỡ.

2. Lựa chọn một tình huống và viết 3 - 4 câu để cảm ơn

3. Chỉnh sửa bài viết theo góp ý



Vận dụng: Trao đổi với người thân về ý nghĩa của việc nói lời cảm ơn.

BÀI 11: TỤC NGŨ VỀ CUỘC SỐNG



ĐỌC

TỤC NGŨ VỀ CUỘC SỐNG

1. Lúc nghèo thì chẳng ai nhìn
Đến khi đỗ trạng chín nghìn anh em.
2. Chim khôn kêu tiếng rảnh rang,
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.
3. Muốn sang thì bắc cầu Kiều,
Muốn con hay chữ thì yêu kính thầy.
4. Làm sao như quế trên non
Trăm năm khô rụi vẫn còn thơm tho.
5. Thà rằng ăn bát cơm rau,
Còn hơn cá thịt nói nhau nặng lời.
6. Trách người một, trách ta mười,
Bởi ta bạc trước, cho người tệ sau.

(Sưu tầm)



1. Câu tục ngữ nào nói về cách sống có trước, có sau?
2. Câu tục ngữ nào nói về tinh thần tôn sư trọng đạo?
3. Những câu tục ngữ trên nói về điều gì?

* Học thuộc các câu tục ngữ yêu thích.



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Nêu 2 - 3 câu tục ngữ nói về cách ứng xử, giao tiếp của con người trong cuộc sống.

M: Lời nói, gói vàng.

2. Viết lại các câu tục ngữ vừa tìm được ở bài 1.

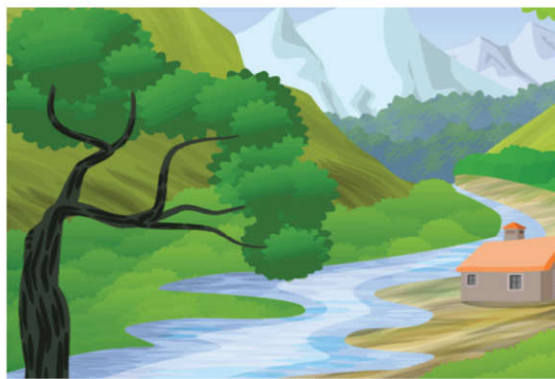
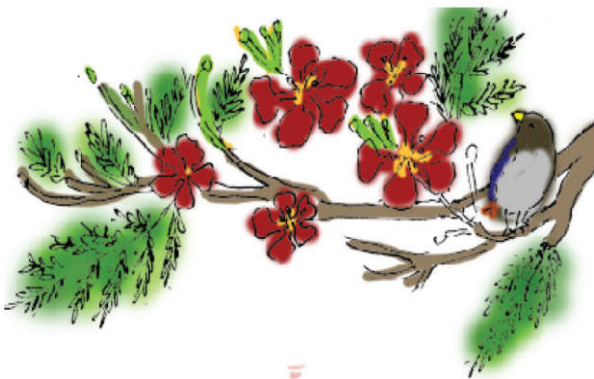
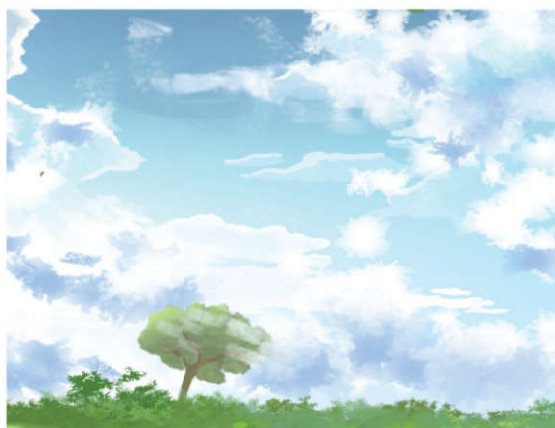


LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM

CÂU NÊU ĐẶC ĐIỂM

1. Quan sát từng tranh và trả lời câu hỏi:



a) Tranh vẽ gì?

M:

- Tranh vẽ núi.
- Tranh vẽ dãy núi.

b) Sự vật đó như thế nào?

M:

- Núi cao.
- Dãy núi trập trùng.

2. Viết các từ ngữ nêu đặc điểm của sự vật được vẽ trong tranh.

3. Đặt 2 - 3 câu với từ ngữ đã viết ở bài 2.



CHÍNH TẢ

1. **Nghe viết:** Viết 4 câu tục ngữ (câu 1 đến 4)

2. Chọn *r* hay *đ* hay *gi* vào chỗ trống

– Ruột để ngoàia.

– Gieoó gặt bão.

– Lá lành đùm láách.

3. **Tìm các từ có chứa vần *an* hoặc *ang*; *ăn* hoặc *ăng*, có nghĩa như sau:**

- Trái nghĩa với dọc.

- Nắng lâu, không mưa làm đất nứt nẻ vì thiếu nước.

- Trái nghĩa với dài.

- Cây tre còn non mới trồi lên mặt đất.



VIẾT ĐOẠN, BÀI

LỜI XIN LỖI

1. **Nêu một số tình huống cần gửi lời xin lỗi (viết bằng giấy hoặc nhắn tin qua điện thoại)?**

G:

- Không đến đúng giờ.

- Không làm được việc theo yêu cầu.

-

2. **Lựa chọn một tình huống và viết 3 - 4 câu để gửi lời xin lỗi**

3. **Chỉnh sửa bài viết theo góp ý**



Vận dụng: Khi viết lời cảm ơn thì cần dùng những từ ngữ như thế nào?

BÀI 12: TAY TRÁI VÀ TAY PHẢI



ĐỌC

TAY TRÁI VÀ TAY PHẢI

Từ trước đến giờ, tay trái và tay phải luôn là hai người bạn thân thiết của nhau. Một hôm, tay phải xách một chiếc túi nặng, mệt quá, nó liền trách tay trái:

- Cậu thật là sượng, chẳng phải làm việc nặng nhọc. Còn tớ thì việc gì cũng phải làm. Từ việc xúc cơm, cầm bút, rồi quét nhà, ... đều đến tớ cả.

Nghe bạn nói vậy, tay trái buồn bã, chẳng nói gì. Nó lẳng lặng ngoảnh mặt đi chỗ khác và tự nhủ sẽ không giúp tay phải việc gì nữa.

Sáng hôm sau, tay phải thực hiện nhiệm vụ đánh răng. Nhưng tay trái đã giận tay phải mất rồi. Tay phải bận cầm bàn chải nên không sao cầm được cốc nước nữa. Đến lúc cài khuy áo, cũng thật khó khăn, cứ phải loay hoay với một tay. Khi cần vẽ tranh thì hết chịu nổi! Chỉ có một tay cầm bút màu, không có tay nào để giữ giấy. Tay phải hối hận lắm liền xin lỗi tay trái.

Thế là tay phải và tay trái lại cùng nhau làm việc. Việc gì cũng hoàn thành một cách nhanh chóng. Tay phải thốt lên:

- Cậu và tớ đều quan trọng như nhau. Nếu không có cậu thì có nhiều việc, một mình tớ không thể nào làm được

(Theo Lý Thị Minh Hà)

Từ ngữ:

- Buồn bã: có tâm trạng buồn.
- Hối hận: hối tiếc, day dứt khi nhận ra lỗi lầm của mình.
- Hoàn thành: làm xong xuôi, đầy đủ.





1. Vì sao tay phải trách tay trái?
2. Không có sự giúp đỡ của tay trái, tay phải khó khăn như thế nào?
3. Tay phải đã nhận ra điều gì?
4. Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm trong bài Tay trái và tay phải.
2. Đặt câu với 2 – 3 từ ngữ tìm được ở bài 1.



NÓI VÀ NGHE

BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG

1. Chuẩn bị ý kiến để trình bày

G:

Hãy kể về những điều tốt đẹp mà bạn học được từ những người xung quanh:

- a) Bạn học được những điều gì?
- b) Học được từ ai?
- c) Vì sao bạn lại học những điều đó?

2. Chia sẻ về những điều tốt đẹp mình học được

G:

- Làm việc cá nhân hoặc cặp đôi để chia sẻ bài nói của mình.
- Chú ý đến giọng điệu và điệu bộ khi nói.



TẬP VIẾT

CHỮ VIẾT HOA J K

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Im hơi lặng tiếng.
- Kiên tha lâu cũng đầy tổ.



ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc câu chuyện dưới đây và trả lời câu hỏi

CẬU BÉ VÀ NHỮNG VẾT ĐÍNH

Một cậu bé tính tình rất nóng nảy và cộc cằn. Một hôm, cha cậu đưa cho cậu một túi đinh và dặn rằng mỗi khi nổi nóng, hãy đóng một cái đinh vào hàng rào gỗ phía sau vườn.

Sau ngày đầu tiên, cậu bé đã đóng hơn mười chiếc đinh vào hàng rào. Những ngày sau, khi cố gắng kiềm chế cơn giận của mình thì số đinh cậu đóng lên hàng rào ngày một giảm. Và cậu nhận ra rằng việc giữ bình tĩnh có lúc dễ hơn là việc đóng đinh.

Cho đến một ngày, khi không cần phải dùng đến chiếc đinh nào, cậu kể với cha về điều này. Người cha nói: mỗi ngày giữ được bình tĩnh, con hãy nhổ một chiếc đinh đã đóng trên hàng rào.

Một ngày, cậu bé vui mừng thông báo với cha rằng tất cả những chiếc đinh đều đã được nhổ. Người cha dẫn cậu đến hàng rào và nói:

- Con đã làm rất tốt, con trai ạ! Nhưng con hãy nhìn vào những cái lỗ trên hàng rào. Những điều con nói ra trong lúc giận dữ sẽ để lại trong lòng người khác những vết thương, giống như những vết đinh này. Cho dù con có nói lời xin lỗi bao nhiêu lần thì những vết sẹo còn để lại mãi.

Con hãy luôn nhớ: Vết thương tinh thần còn đau đớn hơn vết thương thể xác và chỉ có thể lành được khi có tình thương yêu chân thành.

(Theo Vũ Tiến Dũng)



- a. Người cha khuyên cậu bé làm gì khi nóng giận?
- b. Người cha cho cậu bé thấy điều gì khi nhổ những chiếc đinh ra khỏi hàng rào?
- c. Người cha muốn dạy cho cậu bé điều gì?

2. Viết 3 - 4 câu về bài học bạn rút ra khi đọc xong câu chuyện Cậu bé và những vết đinh.



Vận dụng: Chia sẻ với người thân những tình cảm của bạn dành cho họ.

BÀI 13: QUÀ TẶNG CHA



ĐỌC

QUÀ TẶNG CHA

Một bữa, Pa-xcan – khi đó là sinh viên đi đâu khuya về, thấy bố mình vẫn cặm cụi trước bàn làm việc. Anh rón rén lại gần. Ông bố vẫn mãi mê với những con số, ông đang phải kiểm tra sổ sách của Sở tài chính mà ông mới được bổ nhiệm phụ trách.

“Những dãy tính cộng hàng ngàn con số!”- Pa-xcan nghĩ thầm - “Một công việc buồn tẻ không thể tránh khỏi...”. Trong óc nhà toán học trẻ tuổi loé ra một tia sáng. Anh lặng lẽ rút về phòng mình và vạch một sơ đồ gì đó trên giấy.

Mười hôm sau, bố của Pa-xcan rất ngạc nhiên thấy con ôm một vật gì kì lạ đặt trước bàn mình:

- Con hi vọng món quà nhỏ này có thể làm bố bớt nhức đầu vì những con tính.

Đó là một thứ máy cộng trừ mà Pa-xcan đã đặt hết tình cảm của người con vào việc chế tạo. Đó cũng là chiếc máy tính đầu tiên trên thế giới, tổ tiên xa xôi của những máy tính điện tử hiện đại.



(Theo Lê Nguyên Long – Phạm Ngọc Toàn)

Từ ngữ:

Pa-xcan: nhà toán học, vật lý học, triết học, nhà văn nổi tiếng người Pháp thế kỉ 17.



1. Pa-xcan chứng kiến bố mình làm việc thế nào?
2. Pa-xcan đã làm gì để giúp bố? Món quà đó được làm trong bao lâu?
3. Bạn nghĩ gì về việc làm của Pa-xcan?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm những từ ngữ nói lên phẩm chất của Pa-xcan:

- Với vai trò một người con. **M:** hiếu thảo
- Với vai trò một nhà toán học. **M:** tài giỏi

2. Câu văn nào trong bài cho thấy chiếc máy tính đầu tiên trên thế giới ra đời thắm đượm tình phụ tử.



NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện

QUÀ TẶNG CHA

1. Kể lại câu chuyện

Thấy bố cặm cùi làm việc với tới khuya với dây tính hàng ngàn con số, ...



Mười hôm sau, ...



Đó là chiếc máy tính đầu tiên trên thế giới,...

2. Trao đổi về những việc con cái nên làm cho cha mẹ



CHÍNH TẢ

1. **Nghe – viết:** Quà tặng cha (từ “Bố của Pa-xcan rất ngạc nhiên” đến “vào việc chế tạo”)

2. Chọn chữ thay cho ô vuông

a) / hoặc n:

Công cha như ☐úi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như ☐ước trong nguồn chảy ra
Một ☐òng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới ☐à đạo con.
(Ca dao)

b. *ân hoặc âng*:

- Ch☐ cứng đá mềm
- Chì ngã em n☐
- Cả gi☐ mắt khôn
- G☐ mực thì đen, g☐ đèn thì rạng.



VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU TÌNH CẢM, CẢM XÚC

1. Nói về hành động, việc làm thể hiện tình cảm của các nhân vật được thể hiện trong tranh



2. Viết 4 – 5 câu nêu tình cảm, cảm xúc đối với người thân

G:

- Người thân của bạn là ai?
- Người đó đã làm gì hoặc có điểm nào đặc biệt khiến bạn có tình cảm, cảm xúc?
- Bạn có tình cảm, cảm xúc như thế nào khi nghĩ về người đó?



Vận dụng: Hãy nói chuyện hoặc nhắn tin thể hiện tình cảm của bạn dành cho người thân.

BÀI 14: GẶT LÁ CƠM NẾP



ĐỌC

GẶT LÁ CƠM NẾP

Xa nhà đã mấy năm
Thèm bát xôi mùa gặt
Khói bay ngang tầm mắt
Mùi xôi sao lạ lòng.
Mẹ ở đâu, chiều nay
Nhặt lá về đun bếp
Phải mẹ thổi cơm nếp
Mà thơm suốt đường con.
Ôi mùi vị quê hương
Con quên làm sao được
Mẹ già và đất nước
Chia đều nỗi nhớ thương.
Cây nhỏ rừng Trường Sơn
Hiểu lòng nên thơm mãi...

(Thanh Thảo)



1. Khổ thơ đầu nói về điều gì?
2. Hình ảnh ai, hương vị nào hiện lên trong nỗi nhớ của người xa nhà, xa quê?

3. Hai dòng thơ cuối bài cho biết điều gì?

* Học thuộc lòng đoạn thơ yêu thích.



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm trong bài “Gặt lá cơm nếp” những từ ngữ thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ.

2. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm trong bài thơ.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ NGỮ CHỈ SỰ VẬT, HOẠT ĐỘNG

DẤU CHẤM

1. Nhìn tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động (theo mẫu)

a. Từ ngữ chỉ sự vật

- Từ ngữ chỉ người. **M:** mẹ

- Từ ngữ chỉ vật. **M:** ngôi nhà

b. Từ ngữ chỉ hoạt động

M: nhặt rau



2. Đặt câu có từ chỉ sự vật và từ chỉ hoạt động tìm được ở bài 1

M: Mẹ tôi nhặt rau.

3. Chọn dấu câu thích hợp thay cho ô vuông

Căn nhà tôi núp dưới rừng cọ □ Ngôi trường tôi học cũng khuất trong rừng
cọ □ Ngày ngày đến lớp, tôi đi trong rừng cọ □ Không đếm được có bao nhiêu
tàu lá cọ xòe ô lợp kín trên đầu □ Ngày nắng, bóng râm mát rượi □ Ngày
mưa, cũng chẳng ướt đầu.

(Theo Nguyễn Thái Vận)



TẬP VIẾT

CHỮ VIẾT HOA L

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Lê Lợi
 - Lời nói chẳng mất tiền mua
- Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.



VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU TÌNH CẢM, CẢM XÚC

1. Viết 4 – 5 câu nói về tình cảm đối với một người mình yêu quý

G:

- Người mà bạn yêu quý là ai?
- Bạn yêu quý người đó ở điểm nào?
- Bạn có tình cảm, cảm xúc như thế nào khi nghĩ về người đó (hoặc bạn đã thể hiện tình cảm của mình đối với người đó thế nào)?

2. Chỉnh sửa bài viết theo góp ý



Vận dụng: Chia sẻ bài viết của mình với người thân hoặc làm điều gì đó để thể hiện tình cảm đối với người thân.

BÀI 15: HAI ANH EM



ĐỌC

HAI ANH EM

Ở cánh đồng rộng, có hai anh em cày chung một đám ruộng. Ngày mùa đến, họ gặt rồi bó lúa chất thành hai đống bằng nhau, để cả ở ngoài đồng.

Đêm hôm ấy, người em nghĩ: "Anh mình còn phải nuôi vợ con. Nếu phần lúa của mình cũng bằng phần của anh thì thật không công bằng". Nghĩ vậy, người em ra đồng lấy lúa của mình bỏ thêm vào phần của anh.

Cũng đêm ấy, người anh bàn với vợ: "Em ta sống một mình vất vả. Nếu phần của ta cũng bằng phần chú ấy thì thật không công bằng". Thế rồi anh ra đồng lấy lúa của mình bỏ thêm vào phần của em.

Sáng hôm sau, hai anh em cùng ra đồng. Họ rất đỗi ngạc nhiên khi thấy hai đống lúa vẫn bằng nhau. Cho đến một đêm, hai anh em đều ra đồng, rình xem vì sao có sự kì lạ đó. Họ bắt gặp nhau, mỗi người đang ôm trong tay những bó lúa định bỏ thêm cho người kia. Cả hai xúc động, ôm chầm lấy nhau.



Phỏng theo LA-MÁC-TIN (Lê Quang Đản dịch)



1. Cùng trồng cây trên một thửa ruộng, đến mùa gặt, hai anh em đã chia lúa thế nào?

2. Vì sao hai anh em thắm lặng chia lại lúa cho nhau?

3. Câu chuyện kết thúc thế nào?

4. Nêu cảm nghĩ của bạn sau khi đọc câu chuyện.



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Xếp các từ ngữ dưới đây thành 3 nhóm:

Từ ngữ chỉ sự vật

Từ ngữ chỉ hoạt động

Từ ngữ chỉ đặc điểm

kì lạ

gặt

vất vả

ruộng

ra đồng

lúa

cày

cánh đồng

2. Tìm thêm từ ngữ chỉ hoạt động làm ruộng



NÓI VÀ NGHE

TÌNH CẢM GIA ĐÌNH

1. Chuẩn bị ý kiến để trình bày

G:

a) Gia đình bạn có những ai?

b) Ai là lao động chính trong gia đình bạn?

c) Nêu tình cảm, cảm xúc của bạn về mọi người trong gia đình?

2. Chia sẻ ý kiến

G:

- Làm việc nhóm, từng người chia sẻ ý kiến đã chuẩn bị.

- Hãy nói lời thể hiện sự đồng cảm với mọi người trong nhóm.

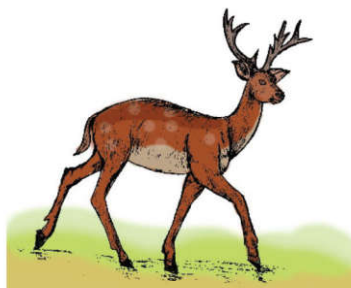


CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết: Gấp lá cơm nếp (từ “Mẹ ở đâu...” đến “thơm mãi”)

2. Tìm và từ ngữ thích hợp với tranh

a) Từ ngữ có tiếng chứa *iêu* hoặc *ươu*.



b) Từ ngữ có tiếng chứa *iên* hoặc *iêng*.



2. Tìm từ ngữ:

a) Chứa tiếng có *iêu* hoặc *ươu*.

M: cây liêu, ốc bươu

b) Chứa tiếng có *iên* hoặc *iêng*.

M: tiến bộ, tiếng đàn



ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc câu chuyện dưới đây và trả lời câu hỏi:

SỰ TÍCH NGƯỜI CHA

Thuở xưa, khi bắt đầu tạo dựng cuộc sống dưới mặt đất, ông trời đã tạo ra muôn loài. Khi tạo hình một người cha, ông trời đã nặn một thân hình rất cao lớn. Thấy vậy, một nữ thần liền hỏi:

- Thưa ngài, tại sao người cha lại cao như vậy?

Trời nói:

- Người cha cao lớn để những đứa con ngược nhìn và ngưỡng mộ.

Thấy trời nặn đôi bàn tay người cha to và thô ráp, nữ thần lắc đầu:

- Đôi tay ấy sẽ không thể cài nút áo cho con trai, hay buộc tóc cho con gái.

Trời trầm ngâm nói:

- Nhưng đôi bàn tay này sẽ dịu dặt bọn trẻ qua mọi sóng gió, cho tới lúc chúng trưởng thành.

Thấy nữ thần lại thắc mắc về đôi vai rộng của người cha, ông trời liền giải thích:

- Người cha có đôi vai rộng để cho con ngồi lên khi đi xa và còn để gánh vác cả gia đình.

Cuối cùng, ông trời thêm vào khoé mắt người cha vài giọt nước mắt, rồi lại xoa ngay đi. Thành ra, người đời sau ít thấy người cha khóc. Xong việc, trời nói với nữ thần:

- Người thấy đó, người cha cũng đáng yêu như người mẹ mà ta đã dồn bao công sức để tạo ra.

(Theo Hạt giống tâm hồn)



a) Ông trời đã giải thích thế nào về tạo hình người cha?

b) Em có tán thành cách tạo hình người cha của ông trời trong câu chuyện không? Vì sao?

2. Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của em về vai trò người cha trong gia đình.



Vận dụng: Tìm đọc thêm câu chuyện, bài thơ, bài văn về chủ đề gia đình.



BÀI 16: BÀN CHÂN KÌ DIỆU



ĐỌC

BÀN CHÂN KÌ DIỆU

Nguyễn Ngọc Ký bị liệt hai tay từ nhỏ. Thấy các bạn được tới trường, Ký thêm lẩm. Em đến lớp xin cô giáo cho vào học.

Cô giáo cầm đôi tay mềm nhũn, buông thõng của Ký, lắc đầu:

- Khó lắm em ạ. Em đợi lớn lên ít nữa xem sao đã.

Ký vừa chạy về vừa khóc.



Mấy hôm sau, cô giáo đến nhà thăm Ký. Thấy em đang cặp một mẫu gạch giữa hai ngón chân, hí hoáy tập vẽ xuống sân những nét nguệch ngoạc, cô rất xúc động. Cô giáo nhận Ký vào học. Cô trải chiếu cho em ngồi tập viết. Cây bút bướng bỉnh không nghe lời làm ngón chân Ký mỗi nhừ, còn giấy thì nhàu nát, mực dây nhoè nhoẹt. Nhưng Ký không nản. Trên chiếc chiếu nhỏ ở góc lớp không bao giờ vắng mặt Ký.

Nhờ luyện tập kiên trì, Ký học rất giỏi, hai lần được vinh dự nhận Huy hiệu Bác Hồ. Học hết phổ thông, Ký vào trường đại học, rồi trở thành thầy giáo. Năm 1992, thầy Nguyễn Ngọc Ký được phong danh hiệu cao quý Nhà giáo Ưu tú.

(Trích Tôi đi học)



1. Vì sao cô giáo quyết định nhận Nguyễn Ngọc Ký vào học, dù biết việc học vô cùng khó khăn với Ký?

2. Nguyễn Ngọc Ký đã nỗ lực học tập như thế nào?

3. Công sức học tập của Nguyễn Ngọc Ký đã thu được đền đáp xứng đáng như thế nào?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động hoặc đặc điểm phù hợp với mỗi nhóm dưới đây:

Giáo viên	- Từ ngữ chỉ hoạt động: dạy đọc,...
	- Từ ngữ chỉ đặc điểm: tận tình,...
Học sinh	- Từ ngữ chỉ hoạt động: tập đọc,...
	- Từ ngữ chỉ đặc điểm: hiếu học,...

2. Đặt 2 câu với từ ngữ ở bài 1: một câu nói về thầy giáo (cô giáo), một câu nói về học sinh



NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện

BÀN CHÂN KÌ DIỆU

1. Kể lại câu chuyện

G:

- Vì sao Ký không được đi học? Thấy các bạn đến trường, Ký đã làm gì?
- Vì sao lúc đầu cô giáo không nhận Ký vào lớp?
- Vì sao ngày hôm sau cô giáo lại nhận Ký vào lớp? Ký gặp khó khăn gì trong học tập?
- Ký đã làm gì để vượt qua khó khăn? Sự nỗ lực của Ký đã đem lại kết quả gì?

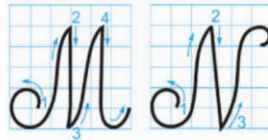
2. Nêu suy nghĩ về ích lợi của việc học đối với bản thân, gia đình và xã hội



TẬP VIẾT

VIẾT CHỮ HOA M N

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Muốn giỏi phải học.
- Ngọc càng mài càng sáng.



VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU TÌNH CẢM, CẢM XÚC

1. Dựa vào tranh, nói suy nghĩ, tìm cảm của bạn đối với một nhân vật trong truyện Bàn chân kì diệu.



Cô giáo đến thăm nhà Ký.
Cô rất xúc động khi thấy Ký
tập viết bằng chân.

Cô giáo luôn quan tâm
đến Ký. Ký rất nỗ lực
học tập.

Ký vinh dự được nhận
hai huy hiệu
của Bác Hồ

2. Viết lại suy nghĩ, tìm cảm của bạn đối với Nguyễn Ngọc Ký (hoặc cô giáo) bằng 3 – 4 câu.



Vận dụng

Viết vào sổ tay:

- Những khó khăn của bạn trong học tập.
- Những dự định khắc phục khó khăn để việc học của bạn đạt kết quả tốt.

BÀI 17: TIẾNG KÈNG CÔ NUÔI CÁ



ĐỌC

TIẾNG KÈNG CÔ NUÔI CÁ

Mặt hồ lăn tăn sóng,
Bỗng tiếng kèng đổ dồn.
Tiếng kèng báo giờ cơm,
Vọng đều vào... ngõ cá.
Con rô mình lấp loá,
Đuôi búng nước lên trời.
Cá trắm cỏ hiện quá,
Nhẹ nhàng vây bơi bơi.
Hồ sủi tăm như sôi,
Rêu xanh choài mặt nước.
Thức ăn ngon tận môi,
Đàn cá thi nhau đớp.



Âm thanh rất quen thuộc,
Tiếng kèng giòn ngân nga.
Cô xã viên sao giống
Cô Tấm, chuyện của bà.

(Phan Thế Cải)



1. Cô nuôi cá gõ kèng để làm gì?
2. Mỗi khi nghe tiếng kèng, bầy cá lên ăn đông đúc và sinh động như thế nào?
3. Theo bạn, vì sao em nhỏ hình dung cô nuôi cá giống như cô Tấm trong câu chuyện của bà?

* Học thuộc lòng đoạn thơ yêu thích.



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ phù hợp với hai nhóm sau:

Người lao động	Công việc
nông dân	cày, cấy,...
...	...

2. Đặt 2 câu với từ ngữ ở bài tập 1



LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ CHỈ SỰ VẬT, ĐẶC ĐIỂM

DẤU CHẤM HỎI

1. Dựa vào tranh, tìm một số từ ngữ:

a) Chỉ các sự vật (người, con vật, đồ vật cây cối)

M: nông dân

b) Chỉ đặc điểm của sự vật

M: chăm chỉ



2. Đặt 2 câu với từ ngữ ở bài tập 1

3. Viết câu hỏi cho bộ phận in đậm trong các câu sau:

a) Bà con nông dân đang thu hoạch lúa **trên cánh đồng**.

b) Các chiến sĩ bộ đội **đang giúp dân gặt lúa**.

c) **Chú bé** ngồi vắt vẻo trên lưng trâu.



CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết:

NGƯỜI LÀM ĐỒ CHƠI



Bác Nhân là người nặn đồ chơi bằng bột màu. Khi đồ chơi bằng nhựa xuất hiện, hàng của bác không bán được, bác định chuyển nghề về quê làm ruộng. Một bạn nhỏ đã lấy tiền để dành, nhờ bạn bè mua đồ chơi để bác vui trong buổi bán hàng cuối cùng.

(Theo Tiếng Việt 2 tập 2, NXB Giáo dục - 2003)

(2). Chọn vần thay cho chỗ trống:

a) *iu* hay *ưư*?

chim hót l□ lo những quả l□ gió h□ h□ thổi người h□ trí

b) Vần *uôn* hay *uông*?

ước m□ rau m□ □ dẻo □ nước

(3). Tìm và viết 2 – 4 từ ngữ:

a) Có vần *iu* hoặc vần *ưư*.

b) Có vần *uôn* hoặc vần *uông*.



VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU TÌNH CẢM ĐỐI VỚI SỰ VIỆC

Đề bài: Viết 4 – 5 câu nêu suy nghĩ, cảm xúc về một sự việc bạn đã tham gia (hoặc được chứng kiến, được biết qua sách báo, phim, truyện,...).

1. Dựa vào gợi ý dưới đây, viết đoạn văn theo yêu cầu

G:

- Giới thiệu sự việc (nói rõ đó là sự việc bạn đã tham gia, chứng kiến hay được biết qua sách báo, phim, truyện,...).

- Nêu tóm tắt diễn biến và kết quả của sự việc:

- Nêu suy nghĩ, cảm xúc sau khi tham gia hoặc chứng kiến sự việc.

+ Điều gì (nhân vật hoặc lời nói, hành động, cảm xúc của nhân vật,...) khiến bạn chú ý?

+ Sự việc đó khiến bạn suy nghĩ, cảm xúc gì?

2. Chỉnh sửa bài viết theo góp ý



Vận dụng: Kể về một người mà bạn quý mến, cho biết vì sao bạn quý mến người đó.

BÀI 18: A CHÁNG ĐI CÀY



ĐỌC

A CHÁNG ĐI CÀY

A Cháng đẹp người thật. Mười tám tuổi, ngực nở vòng cung, da đỏ như lim, bắp tay bắp chân rắn như trắc, gụ. Vóc cao, vai rộng, người đứng thẳng như cái cột đá trời trồng.

Nhưng phải nhìn A Cháng cày mới thấy hết vẻ đẹp của anh.

Anh đến chuồng trâu dắt con trâu béo nhất, khỏe nhất. Người và trâu cùng ra ruộng. A Cháng đeo cày. Cái cày ôm lấy bộ ngực nở. Trông anh hùng dũng như một chàng hiệp sĩ cổ đeo cung ra trận.



Tới ruộng, A Cháng mắc cày xong, quát một tiếng “Mổng!” và bây giờ chỉ còn chăm chăm vào công việc. Hai tay Cháng nắm đốc cày, mắt nhìn thẳng ruộng, nhìn đường cày, thân hình nhoài thành một đường cong mềm mại, khi qua trái, lúc tạt phải theo đường cày uốn vòng trên hình ruộng bậc thang như một mảnh trăng lưỡi liềm. Lại có lúc được sá cày thẳng, người anh như rạp hẳn xuống, đôi chân xoải dài hoặc bấm những bước ngắn, gấp gấp...

(Theo Ma Văn Kháng)

Từ ngữ:

- Mổng (tiếng Hmông): đi.
- Sá cày: đường cày.



1. A Cháng đẹp người như thế nào?
2. Tìm những chi tiết cho thấy vẻ đẹp của A Cháng khi anh lao động.
3. Bạn thích nhất hình ảnh nào trong bài? Vì sao?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ nói về những việc người nông dân cần làm từ khi cày ruộng cho đến khi lúa được gặt

2. Viết 2 câu:

- 1 câu nói về vai trò hoặc vẻ đẹp của người lao động.
- 1 câu nói về tình cảm của bạn đối với người lao động.



NÓI VÀ NGHE

NHỮNG NGƯỜI QUANH TA

1. Chuẩn bị ý kiến để kể về một người mà bạn quý mến hoặc nể phục

G:

- a) Bạn muốn kể về ai?
- b) Người đó ở đâu, làm nghề gì?
- c) Điều gì khiến bạn quý trọng hoặc nể phục người đó?

2. Kể về một người mà bạn quý mến hoặc nể phục

G:

- Trao đổi trong nhóm, kể về một người mà bạn quý mến.
- Nghe bạn kể, hỏi thêm về những chi tiết mình chưa rõ.

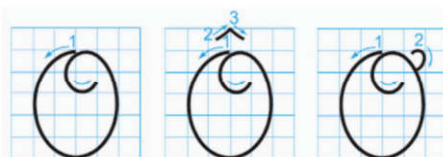
Trong quá trình trao đổi, đừng quên nói và đáp lời khen ngợi một cách chân thành, lịch sự.



TẬP VIẾT

CHỮ VIẾT HOA O Ô Ơ

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Ôn cũ biết mới.
- Ôn sâu nghĩa nặng.



ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc bài dưới đây và trả lời câu hỏi:

ÔNG TÔI

Ông tôi năm nay đã già lắm. Tóc ông bạc phơ và ông không thể ăn mía như tôi được. Thế mà hôm nọ, ông lại trồng một cây ổi, giống ổi Bo, quả to, thơm ngọt.

Tôi liền hỏi :

- Ông ơi, ông ăn ổi làm sao được nữa ạ?

Ông tôi nhìn tôi móm mém cười :

- Ông không ăn được thì đã có cháu ông ăn!



Ông tôi đã già, thế mà không một ngày nào ông quên ra vườn. Tôi vẫn thường tha thân theo ông, khi xới gốc, lúc tưới nước giúp ông. Tôi thầm mong sao cho ông tôi đừng già thêm nữa.

(Phong Thu)



- a. Chi tiết nào trong truyện cho thấy ông “nay đã già lắm”?
- b. Chi tiết nào trong truyện khiến bạn xúc động? Vì sao?

2. Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của bạn về người ông trong câu chuyện trên



Vận dụng: Tìm đọc một câu chuyện hoặc bài thơ, bài báo về tấm gương người lao động giỏi.

BÀI 19: ÔN TẬP



ĐỌC

I. Đọc và trả lời câu hỏi

“BÀ TIỀN” TRÊN NÚI CẨM



Núi Cẩm là ngọn núi cao nhất trên dãy Bảy Núi. Nơi đây có nhiều cảnh đẹp, có bức tượng Phật lớn nhất châu Á. Ở núi Cẩm có ngôi nhà của bà Võ Thị Ba và những đứa cháu nuôi.

Bà Ba vốn ở Cần Thơ. Một lần đến thăm núi Cẩm, yêu mến ngọn núi này, bà quyết định bán ngôi nhà ở Cần Thơ, chuyển đến sống ở đây. Người con trai út đi theo chăm sóc mẹ. Thời gian đầu, hai mẹ con sống ở chân núi. Sau, họ xin chuyển lên đỉnh núi, phong cảnh ở đây hoang sơ nhưng rất hữu tình.

Năm 2001, bà Ba nhận nuôi một cháu bé ở Bệnh viện Cần Thơ. Rồi từ đó, bà nhận nuôi thêm nhiều bé khác. Đến năm 2008, bà đã trở thành bà của 12 đứa trẻ. Các cháu sống vui vẻ trong vòng tay của bà và con trai bà.

Năm 2009, nhờ một người hảo tâm, mẹ con bà làm được một ngôi nhà dưới chân núi để các cháu đi học cho gần. Cũng từ năm ấy, mỗi cháu được Ủy ban nhân dân xã trợ cấp 360 000 đồng một tháng.

(Theo Nguyễn Việt - Đăng Văn)

Từ ngữ:

- Bảy Núi: Dãy núi gồm bảy ngọn núi không liên tục, thuộc hai huyện Tri Tôn, Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Hảo tâm: có lòng tốt, sẵn sàng giúp đỡ người khác về tiền của.

- Trợ cấp: cấp tiền để giúp đỡ khi khó khăn.



1. Vì sao bà Ba chuyển đến sinh sống ở Núi Cấm?

2. Bà Ba và con trai đã làm gì để giúp những em nhỏ không may mắn?

3. Theo bạn, vì sao tác giả gọi bà Ba là “bà tiên” trên núi Cấm?



LUYỆN TẬP

1. Tìm trong bài đọc “Bà tiên” trên núi Cấm:

- 5 từ ngữ chỉ sự vật.

- 5 từ ngữ chỉ hoạt động.

- 5 từ ngữ chỉ đặc điểm.

2. Đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm trong những câu sau:

a) Người con trai út **đi theo chăm sóc mẹ**.

b) Thời gian đầu, hai mẹ con bà Ba sống **ở chân núi**.

c) Phong cảnh trên đỉnh núi Cấm **hoang sơ nhưng rất hữu tình**.

d) Năm 2001, **bà Ba** nhận nuôi một cháu bé ở Bệnh viện Cần Thơ.

3. Dựa theo nội dung bài đọc, đặt 3 câu:

- 1 câu giới thiệu bà Ba (mẫu câu Ai là gì?).

- 1 câu nêu hoạt động của bà Ba (mẫu câu Ai làm gì?).

- 1 câu nêu đặc điểm của bà Ba (mẫu câu Ai thế nào?).



CHÍNH TÀ

1. Nghe – viết

VỀ QUÊ

Nghỉ hè bé lại thăm quê
Được đi lên rẫy, được về tắm sông.
Thăm bà, rồi lại thăm ông
Thả diều, câu cá... sướng không chi bằng
Đêm về ngồi ngắm ông trăng
Nghe ông kể chuyện chị Hằng ngày xưa
Bà rang đậu lạc thơm chưa
Mời ông bà, bé say sưa chuyện trò.

(Nguyễn Lâm Thắng)

2. Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

- a) Viết 4 - 5 câu kể về một vùng đất lịch sử hoặc một cảnh đẹp trên đất nước ta. Nêu cảm nghĩ về vùng đất hoặc cảnh đẹp đó.
- b) Viết 4 - 5 câu kể về một người mà bạn quý mến hoặc nể phục.

BÀI 20: CHIẾC RỄ ĐÀ TRÒN



ĐỌC

CHIẾC RỄ ĐÀ TRÒN

1. Buổi sớm hôm ấy, sau khi tập thể dục. Bác Hồ đi dạo trong vườn. Đến gần cây đa, Bác chợt thấy một chiếc rễ đa nhỏ, dài ngoằn ngoèo nằm trên mặt đất. Chắc là trận gió đêm qua đã làm nó rơi xuống. Bác tần ngần một lát, rồi bảo chú cần vụ đứng gần đấy:



- Chú cuốn rễ này lại, rồi trồng cho nó mọc tiếp nhé!

2. Theo lời Bác, chú cần vụ xới đất, vùi chiếc rễ xuống. Nhưng Bác bảo:

- Chú nên làm thế này.

Nói rồi, Bác cuộn chiếc rễ thành một vòng tròn và bảo chú cần vụ buộc nó tụ vào hai cái cọc, sau đó mới vùi hai đầu rễ xuống đất.

Chú cần vụ thắc mắc:

- Thưa Bác, làm thế để làm gì ạ?

Bác khẽ cười:

- Rồi chú sẽ biết.

3. Nhiều năm sau, chiếc rễ đã bén đất và thành cây đa con có vòng lá tròn. Thiếu nhi vào thăm vườn Bác, em nào cũng thích trò chơi chui qua chui

lại vòng lá ấy. Lúc đó, mọi người mới hiểu vì sao Bác trồng chiếc rễ đa thành hình tròn như thế.

(Theo sách Bác Hồ kính yêu)

Từ ngữ:

- Thường lệ: thói quen hoặc quy định đã có từ lâu.
- Tản ngẫu: đang mải nghĩ, chưa biết nên làm thế nào.
- Chú cần vụ: chú cán bộ làm công việc chăm sóc Bác.
- Thắc mắc: có điều chưa hiểu, cần hỏi.

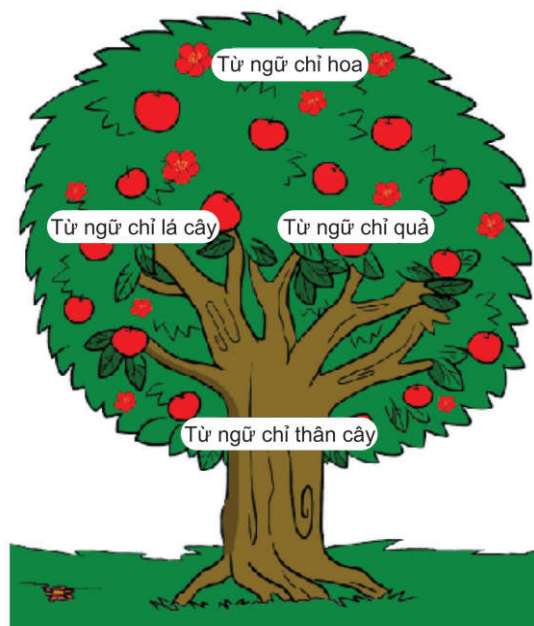
- ❓ 1. Thấy chiếc rễ đa nằm trên mặt đất, Bác Hồ bảo chú cần vụ làm gì?
2. Vì sao Bác Hồ phải hướng dẫn chú cần vụ trồng chiếc rễ đa?
3. Các em nhỏ thích chơi trò gì bên cây đa?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Xếp các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp

(tươi đẹp, xanh biếc, nở bung, ram ráp, xanh non, chi chít, bạc phéch, mỡ màng, hum mọng, hum chín, cao, xù xì, to, trĩu trĩu, mọng nước, vàng úa, rục rĩ)



2. Đặt 1 - 2 câu tả cây cối với từ ngữ ở bài tập 1



NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện

CHIẾC RỄ ĐÀ TRÒN

1. Dựa vào tranh, kể lại câu chuyện



2. Hãy nói một câu về tình cảm của Bác đối với thiếu nhi



CHÍNH TÀ

1. Nghe – viết

BỜ TRE ĐÓN KHÁCH

(Trích)

Một đàn cò bạch
 Hạ cánh reo mừng
 Tre chột tung bừng
 Nở đầy hoa trắng.
 Đến chơi im lặng
 Có bác bỏ nông
 Đứng nhìn mênh mông
 Im như tượng đá.



Một chú bói cá
 Đỗ xuống cảnh mềm
 Chú vụt bay lên
 Đậu vào chỗ cũ.

(Võ Quảng)

2. Chọn chữ hoặc vần phù hợp với ô trống:

a) tr hoặc ch

Cánh én làm phép □ừ

□ời bớt đi giá rét

Bầy □im là phép □ia

Niềm vui theo tiếng hát.

(Đặng Hân)



b) ươn hoặc ương

Mảnh v□ bà xanh thề

Nắng trở như hoa cau

Gió đưa thoảng h□ vào

Cả một vùng cúc nở.

(Nguyễn Thanh Kim)



VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN THUẬT VIỆC

1. Quan sát tranh, nói về việc mọi người trong tranh đang làm

2. Viết 3 - 5 câu kể lại việc anh/chị chăm sóc cây

G:

- Anh/chị đã làm việc gì để chăm sóc cây.

- Kết quả công việc ra sao?

- Anh/chị có suy nghĩ gì khi làm xong việc đó?



Vận dụng: Viết vào sổ tay một số việc anh/chị có thể làm để góp phần bảo vệ cây xanh.

BÀI 21: TRÁI CHÍN



ĐỌC

TRÁI CHÍN

Xù xì da cóc
Mít chín trên cành
Dưa hấu chín xanh
Nhãn: cà phê sữa.
Chín như ngọn lửa
Là ớt chỉ thiên
Chín tựa than đen
Ô môi, bồ kết.
Chín như son điểm
Là cật, là hồng
Cô bạn thanh long
Chín màu hồng phấn.
Tàn nhang lấm chấm
Chín trái chuối tiêu
Trái cóc, trái điều
Chín màu cỏ úa.



Mịn màng như lụa
Xoài chín ngon ghê
Trái Sa-pô-chê
Chín ra màu đất.

(Đặng Hấn)

Từ ngữ:

- Điều: còn gọi là đào lộn hột.
- Sa-pô-chê (Sapote): còn gọi là hồng xiêm.



1. Khi chín, quả dưa hấu, ớt, bồ kết có đặc điểm khác nhau?

2. Quả ớt, quả hồng, quả chuối tiêu khi chín được so sánh với những hình ảnh nào?

3. Nội dung chính của bài thơ là gì?

* Học thuộc lòng 2 khổ thơ anh/chị yêu thích.



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ chỉ màu sắc của hoa hoặc quả

- Màu đỏ. **M:** đỏ chót

- Màu vàng. **M:** vàng ươm

- Màu xanh. **M:** xanh non

2. Đặt 1 - 2 câu tả màu sắc của hoa hoặc quả mà anh/chị thích



LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ CHỈ HOẠT ĐỘNG, ĐẶC ĐIỂM;

DẤU CHẤM THAN

1. Chọn từ chỉ đặc điểm điền vào chỗ trống trong câu đố sau. Viết lời giải câu đố

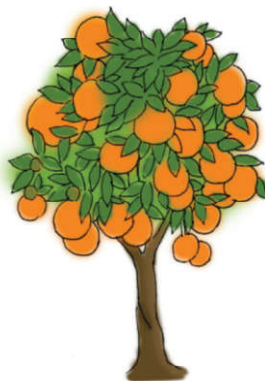
Cây gì lá

Quả nó

..... trĩu cành

Bày trong ngày Tết?

(Là cây))



xinh
xinh

vàng
tươi

nhỏ

2. Nối từ ngữ chỉ hoạt động phù hợp với mỗi tranh



đá bóng



đạp xe



tưới cây



đánh trống



hái hoa

3. Chọn dấu câu phù hợp với ô trống:

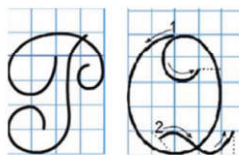
- Chiếc áo rất đẹp ☐
- Bông hoa mới thơm làm sao ☐
- Bạn đi xe đạp giỏi quá ☐
- Chà, Nguyên đánh trống cừ ghê ☐
- Bạn có biết cây này do ai trồng không ☐



TẬP VIẾT

CHỮ VIẾT HOA P Q

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Phố xá đông vui.
- Quê hương tươi đẹp.



VIẾT ĐOẠN, BÀI

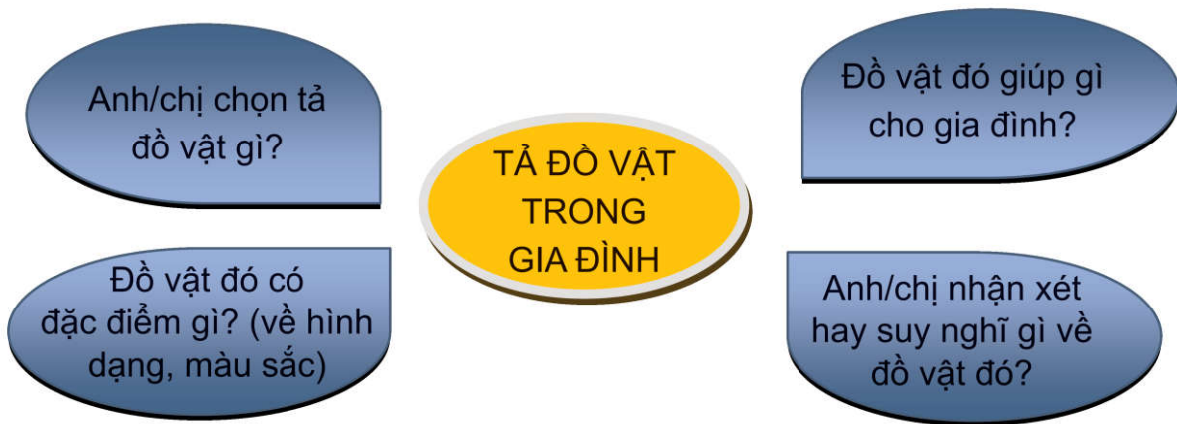
VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ ĐỒ VẬT

1. Nói tên các đồ vật trong bức tranh dưới đây



2. Dựa vào gợi ý dưới đây, viết đoạn văn theo yêu cầu

G:



3. Chỉnh sửa bài viết theo góp ý



Vận dụng: Viết 1 - 2 câu nói về cách giữ gìn đồ vật trong gia đình.

BÀI 22: CHIM RỪNG TÂY NGUYÊN



ĐỌC

CHIM RỪNG TÂY NGUYÊN

Những cơn gió nhẹ làm mặt nước hồ Y-rơ-pao chao mình rung động. Bầu trời trong xanh soi bóng xuống đáy hồ, mặt hồ càng xanh thêm và như rộng ra mênh mông.

Nơi đây cất lên những tiếng chim ríu rít. Chim đại bàng chân vàng, mỏ đỏ đang chao lượn, bóng che rợp mặt đất. Mỗi lần đại bàng vỗ cánh lại phát ra những tiếng vi vu vi vút từ trên nền trời xanh thẳm, giống như có hàng trăm chiếc đàn cùng hòa âm. Bầy thiên nga trắng muốt đang bơi lội. Những con chim kơ-púc mình đỏ chót và nhỏ như quả ớt cổ rướn cặp mỏ thanh mảnh của mình hót lên lanh lảnh nghe như tiếng sáo.

Họ nhà chim đủ các loại, đủ các màu sắc ríu rít bay đến đậu ở những bụi cây quanh hồ, tiếng hót rộn vang cả mặt nước.

(Theo Thiên Lương)

Từ ngữ:

- Chao lượn: bay nghiêng đi nghiêng lại trên trời.
- Rợp: (bóng che) kín.
- Hoà âm: phối hợp nhiều âm thanh cùng với nhau cùng lúc.
- Thanh mảnh: thon thả, xinh xắn.



1. Tìm những từ ngữ tả vẻ đẹp của mặt hồ Y-rơ-pao?
2. Quanh hồ Y-rơ-pao có những loài chim gì?
3. Tìm từ ngữ tả hình dáng, màu sắc, tiếng kêu, hoạt động của từng loài chim.



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Xếp tên các loài chim cho trong ngoặc đơn vào nhóm thích hợp.

(cú mèo, gõ kiến, chim sâu, cuốc, quạ, vàng anh)

- a) Gọi tên theo hình dáng
- b) Gọi tên theo tiếng kêu
- c) Gọi tên theo cách kiếm ăn

2. Viết 1 – 2 câu tả một loài chim trong bài đọc.



NÓI VÀ NGHE

THIÊN NHIÊN TƯƠI ĐẸP

1. Chuẩn bị ý kiến để trình bày

- Mang tới lớp tranh (ảnh) cây cối (hoặc con vật).
- Ghi lại những điều quan sát được.

G:

- a) Đó là tranh (ảnh) về loài cây (hoặc loài vật) nào?
- b) Trong tranh (ảnh), loài cây (hoặc loài vật) đó trông như thế nào?
- c) Điều gì khiến anh/chị ấn tượng với bức tranh (ảnh) đó?

2. Chia sẻ về bức tranh (ảnh) về loài cây (loài vật) mà anh/chị sưu tầm được

3. Giả sử anh/chị được nhìn thấy một cảnh thiên nhiên đẹp, anh/chị sẽ nói gì để thể hiện cảm xúc ngạc nhiên trước cảnh đẹp đó

CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết: Chim rừng Tây Nguyên (từ đầu đến... bóng che rợp mặt đất).

2. Chọn s hoặc x thay cho ô trống

Nhìn ☐uống ☐âu thung lũng

Nắng như rót mật vàng

Thác trắng tung dải lụa

Ngô ☐anh hai ☐ườn non...

(Nguyễn Thái Vận)

3. Chọn những từ ngữ viết đúng chính tả

- a. ☐ đổ rác ☐ đổ rác ☐ đổ tốt nghiệp ☐ đổ tốt nghiệp
b. ☐ nghỉ ngơi ☐ nghỉ ngơi ☐ nghỉ hè ☐ nghỉ hè
c. ☐ kỉ niệm ☐ kỉ niệm ☐ kỉ càng ☐ kỉ càng

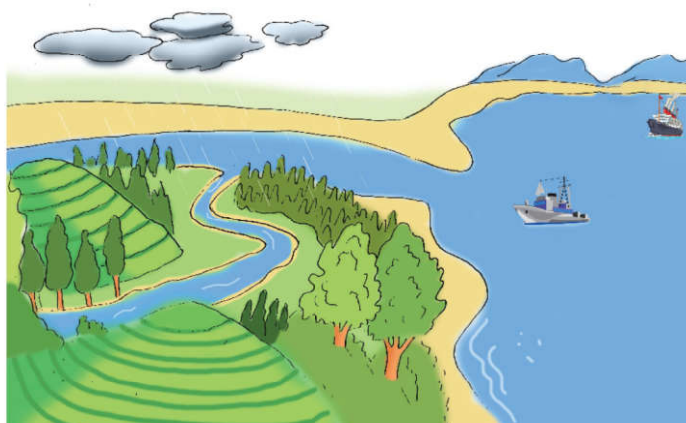


ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc truyện dưới đây và trả lời câu hỏi

GIỌT NƯỚC VÀ BIỂN LỚN

Tí ta tí tách
Từng giọt
Từng giọt
Mưa rơi
Rơi rơi.
Góp lại bao ngày
Thành dòng suối nhỏ
Lượn trên bãi cỏ
Chảy xuống chân đồi.
Suối gặp bạn rồi
Góp thành sông lớn
Sông đi ra biển
Biển thành mệnh mông.



Biển ơi, có biết
Biển lớn vô cùng
Từng giọt nước trong
Làm nên biển đầy!
(Nguyễn Bao)



- a. Những gì góp phần tạo nên dòng suối nhỏ?
b. Những dòng sông từ đâu mà có?

2. Viết 2 – 3 câu nói lên suy nghĩ về giọt nước, suối, sông, biển trong bài thơ

BÀI 23: MỒ CÔI XỬ KIỆN



ĐỌC

MỒ CÔI XỬ KIỆN

Ngày xưa ở một vùng quê nọ, có chàng mồ côi được dân tin cậy giao cho xử kiện.

Một hôm, có người chủ quán đưa một bác nông dân đến công đường. Chủ quán thưa:

- Bác này vào quán của tôi hít hết mùi thơm lợn quay, gà luộc, vịt rán mà không trả tiền. Nhờ Ngài xét cho.

Mồ Côi hỏi bác nông dân. Bác trả lời:

- Tôi chỉ vào quán ngồi nhờ để ăn miếng cơm nắm. Tôi không mua gì cả.

Mồ Côi bảo:

- Nhưng bác có hít hương thơm thức ăn trong quán không?

Bác nông dân đáp:

- Thưa có.

Mồ Côi nói:

- Thế thì bác phải bồi thường. Chủ quán muốn bồi thường bao nhiêu?

- Thưa Ngài, hai mươi đồng.

- Bác hãy đưa hai mươi đồng đây, tôi phân xử cho!

Nghe nói, bác nông dân giãy nảy:

- Tôi có đụng chạm gì đến thức ăn trong quán đâu mà phải trả tiền?

- Bác cứ đưa tiền đây.

Bác nông dân ầm ục:

- Nhưng tôi chỉ có hai đồng.



- Cũng được. – Mồ Côi vừa nói vừa thản nhiên cầm lấy hai đồng bạc bỏ vào một cái bát, rồi úp một cái bát khác lên, đưa cho bác nông dân, nói:

- Bác hãy xóc lên cho đủ mười lần. Còn ông chủ quán, ông hãy chịu khó mà nghe.

Hai người tuy chưa hiểu gì nhưng cũng cứ làm theo. Khi đồng bạc trong bát úp đã kêu lạch cạch đến lần thứ mười, Mồ Côi phán:

- Bác này đã bồi thường cho chủ quán đủ số tiền. Một bên “hít mùi thịt”, một bên “nghe tiếng bạc”. Thế là công bằng.

Nói xong, Mồ Côi trả hai đồng bạc cho bác nông dân rồi tuyên bố kết thúc phiên xử.

(Theo Truyện cổ tích dân tộc Nùng)

Từ ngữ:

- xử kiện: phân xử một vụ kiện, phân định lỗi, phải thuộc về ai.
- công đường: nơi làm việc của quan lại thời phong kiến.
- bồi thường: trả lại cho người khác cái có giá trị (thường bằng tiền) tương ứng với những thiệt hại mà mình gây ra.



1. Vì sao Mồ Côi được giao xử kiện?
2. Chủ quán kiện bác nông dân về việc gì?
3. Mồ Côi đã xử kiện như thế nào?
4. Câu chuyện có ý nghĩa gì?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm 3 - 4 từ ngữ chỉ đặc điểm trong câu chuyện Mồ Côi xử kiện.
2. Đặt câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 1.



NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện

MỒ CÔI XỬ KIỆN

1. Kể lại câu chuyện Mồ Côi xử kiện

G:

- Vì sao bác nông dân bị chủ quán kiện?

- Chủ quán đòi bác nông dân bồi thường bao nhiêu tiền?
- Thái độ của bác nông dân khi bị chủ quán kiện như thế nào?
- Mồ Côi đã làm gì với 2 đồng của bác nông dân?

2. Trao đổi với bạn về ý nghĩa của câu chuyện.



TẬP VIẾT

CHỮ VIẾT HOA R, S

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Ra đường hỏi già, về nhà hỏi trẻ.
- Sai một ly đi một dặm.



LUYỆN TẬP

VIẾT ĐOẠN GIỚI THIỆU ĐỒ VẬT

1. Nói về một đồ gia dụng có ích đối với bạn (hình dáng, màu sắc, công dụng,... của đồ vật đó).

2. Viết 3 - 5 câu về đồ vật mà bạn yêu thích nhất.

G:

- Đồ vật đó có hình dạng, màu sắc thế nào? Được làm bằng chất liệu gì?
- Công dụng của đồ vật đó thế nào?



Vận dụng: Viết vào sổ tay một số đồ vật trong gia đình mà bạn đang cần hoặc muốn mua sắm.

BÀI 24: QUÊ MỚI



ĐỌC

QUÊ MỚI



Đứng giữa gò cao tôi nhìn say đắm
Ngõ đâu đây làng xóm giữa quê nhà;
Cũng nhãn lồng, cũng chuối mít, cũng bồn hoa,
Cũng hồ nước trong như dòng kênh xanh thắm;
Cũng khói bếp tranh là là trong nắng,
Cũng cây rom ngả bóng áp đàn gà...
Ôi phải rồi, đất nước Việt Nam ta
Tây Bắc, Hưng Yên đều là quê cả.

(Nguyễn Kiên)



1. Kể tên những trái cây, sự vật được nhắc đến trong bài thơ?
2. Nêu cảm xúc của tác giả khi đứng trên quê mới?
3. Nội dung chính của bài thơ là gì?

* Học thuộc lòng bài thơ.



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ theo yêu cầu sau:

	Thành thị	Nông thôn
Từ chỉ sự vật		
Từ chỉ đặc điểm		

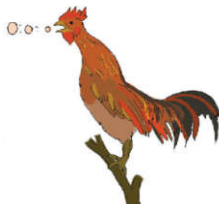
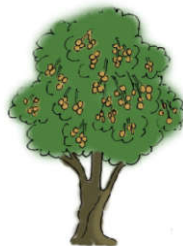
2. Đặt 1 - 2 câu với các từ tìm được



LUYỆN TỪ VÀ CÂU

**TỪ NGỮ CHỈ SỰ VẬT, HOẠT ĐỘNG, ĐẶC ĐIỂM
DẤU CHẤM, CHẤM HỎI, CHẤM THAN**

1. Dựa vào tranh, tìm từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm



2. Hãy tìm những từ chỉ đặc điểm để điền vào chỗ trống cho thành câu

- Cuộc sống ở nông thôn rất
- Thành phố có rất nhiều nhà

3. Tìm từ chỉ hoạt động thích hợp với chỗ trống trong đoạn văn sau:

(vui vẻ, chạy, mổ, khoe sắc, bắt)

“Một buổi sáng mùa xuân, trăm hoa..., gà con.... gọi vịt con ra vườn chơi. Gà con rủ vịt con.... sâu, côn trùng có hại cho cây. Nhờ có mổ nhon nên gà con bắt sâu dễ dàng. Vịt con không có mổ nhon nên không thể nào bắt được sâu. Thấy thế gà con vội vàng tới giúp vịt.”

4. Chọn dấu câu phù hợp với ô trống:

- Nghỉ hè em có được bố mẹ cho về quê chơi không□
- Đường phố Hà Nội giờ tan tầm thật là đông đúc và chật chội□
- Tôi vừa đi thăm con gái trên thành phố về□



CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết: Quê mới (từ đầu đến...bóng ấp đàn gà)

2. Chọn *r* hoặc *d* hoặc *gi* vào chỗ trống.

- □ây mơ □ể má
- □út □ây động □ừng
- □ấy trắng mực đen
- □eo gió gặt bão

3. Chọn vần *ao* hoặc *au* thích hợp với ô trống

- Một con ngựa đ□, cả t□ bỏ cỏ.
- Chuối hàng s□, c□ trước.
- Cây c□ bóng cả.



VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT TIN NHẮN

1. Nêu một số tình huống cần viết tin nhắn.
2. Chọn một tình huống đã nêu ở bài tập 1 để viết tin nhắn.
3. Chỉnh sửa theo góp ý.



Vận dụng: Ghi vào sổ tay những lưu ý khi viết tin nhắn cảm ơn, xin lỗi.

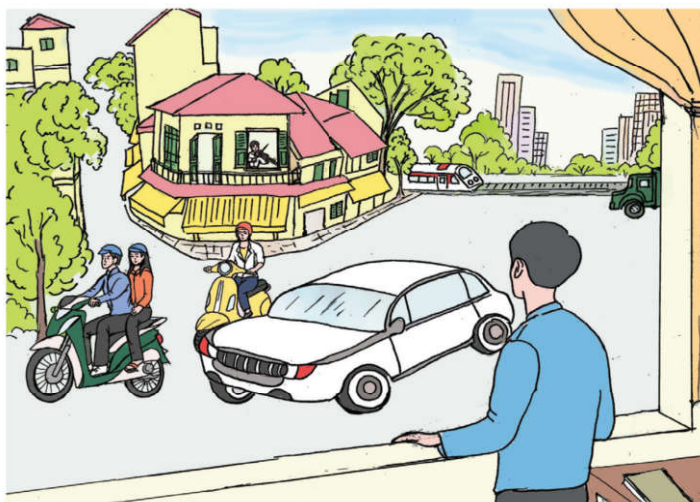
BÀI 25: ÂM THANH THÀNH PHỐ



ĐỌC

ÂM THANH THÀNH PHỐ

Hồi còn đi học, Hải rất say mê âm nhạc. Từ căn gác nhỏ của mình, Hải có thể nghe tất cả các âm thanh náo nhiệt, ồn ã của thủ đô. Tiếng ve kêu rền rĩ trong những đám lá cây bên đường. Tiếng kéo lách cách của những người bán thịt bò khô. Tiếng còi ô tô xin đường gay gắt. Tiếng còi tàu hoả thét lên và tiếng bánh sắt lăn trên đường ray âm ầm.



Rồi tất cả như im lặng hẳn để nghe tiếng đàn vi-ô-lông trên một cái ban công, tiếng pi-a-nô ở một căn gác.

Hải đã ra Cẩm Phả nhận công tác. Mỗi dịp về Hà Nội, Hải thích ngồi lặng hàng giờ để nghe bạn anh trình bày bản nhạc Ánh trăng của Bét-tô-ven bằng đàn pi-a-nô. Anh cảm thấy dễ chịu và đầu óc bớt căng thẳng.

(Theo Tô Ngọc Hiến)

Từ ngữ

- say mê: ham thích đến mức không rời được.
- náo nhiệt: nhộn nhịp, sôi nổi trong hoạt động.
- căng thẳng: Tập trung sự chú ý ở mức độ cao trong suy nghĩ, trong công việc.



- 1) Hằng ngày, Hải được nghe thấy những âm thanh nào?
- 2) Những âm thanh ấy nói lên điều gì của cuộc sống?
- 3) Điều gì khiến Hải cảm thấy dễ chịu mỗi khi trở về thành phố?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm trong bài “Âm thanh thành phố” những từ ngữ tả âm thanh.
2. Tìm thêm 2 – 3 từ chỉ âm thanh và đặt câu với từ tìm được.



NÓI VÀ NGHE

THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN

1. Giới thiệu về một thành phố hoặc một vùng quê mà bạn biết.

G:

- Đó là nơi nào?
- Nơi đó có đặc điểm gì nổi bật?
- Bạn có cảm nghĩ gì về nơi đó?

2. Trao đổi với bạn về cuộc sống ở thành phố và nông thôn.

G:

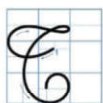
- Làm việc nhóm, lần lượt chia sẻ ý kiến của bản thân; hỏi thêm những điều chưa rõ.
- Chú ý đưa ra các ý kiến đồng ý hay không đồng ý với các ý kiến chia sẻ của bạn cùng nhóm.



TẬP VIẾT

CHỮ VIẾT HOA T, U, Ư

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Uống nước nhớ nguồn.
- Ướt như chuột lột.
- Tình làng nghĩa xóm.



ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi:

TÔI YÊU SÀI GÒN

Tôi yêu nắng sớm Sài Gòn. Tôi yêu những buổi chiều lộng gió. Tôi yêu cả những cơn mưa rào bất ngờ ập xuống.

Tôi yêu phố phường dập dìu xe cộ. Tôi yêu những con phố khuya thưa thớt tiếng ồn. Tôi yêu những buổi sáng tinh sương, thành phố yên ắng trong làn không khí mát dịu.

Tôi yêu những con đường rợp bóng hàng me. Tôi yêu những hàng cây sao, cây dầu cao vút. Đây đó giữa những tán cây xanh, những chú sóc nâu nhanh nhẹn chuyền cành. Thỉnh thoảng trong vòm lá, vài chị sáo, chị sẻ, chị vành khuyên ríu rít chuyện trò. Khi xuân sang, những cánh én chao liệng giữa trời xanh.

Tôi yêu những con người thân thiện, trên môi luôn nở nụ cười. Tôi yêu những con người hào hiệp, luôn sẵn lòng giúp đỡ mọi người. Yêu biết mấy, Sài Gòn của tôi!

(Minh Hương)

Từ ngữ:

- dập dìu: qua lại, nối đuôi nhau nhộn nhịp, đông vui.
- thưa thớt: ít, phân bố không đều.



- Từ ngữ nào chỉ thời tiết và đặc điểm của phố phường Sài Gòn?
- Những câu văn nào cho thấy tình cảm của tác giả đối với Sài Gòn?

2. Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của bạn về bài đọc



Vận dụng: Sưu tầm những bức ảnh đẹp, bài viết về các thành phố, làng quê của Việt Nam.

BÀI 26: RỪNG GỖ QUÝ



ĐỌC

RỪNG GỖ QUÝ

Xưa, có gia đình ông lão nghèo sống trong túp lều chật chội. Ông ao ước dựng được ngôi nhà rộng cho con cái đỡ khổ.

Ngày nọ, ông lạc vào một cánh rừng. Mải ngắm những cây gỗ lớn, ông không biết các nàng tiên xuất hiện từ lúc nào.



- Ông lão tới đây có việc gì? – Một nàng tiên hỏi.
- Tôi muốn tìm gỗ dựng nhà.

Nàng tiên đưa ông chiếc hộp và dặn:

- Chiếc hộp này giúp ông toại nguyện. Về đến nhà, ông hãy mở nhé!

Ông lão cảm ơn nàng tiên rồi ra về. Dọc đường, ông hé mở nắp hộp, tức thì cột gỗ, ván gỗ... tuôn ra ào ào, lao hết xuống suối. Ông lão tiếc ngẩn ngơ, đành quay lại tìm nàng tiên.

Thương ông lão nghèo, nàng tiên đưa cho chiếc hộp khác:

- Thứ đựng trong chiếc hộp này quý hơn nhiều, về nhà mới được mở.

Về nhà, ông lão thấy trong hộp chỉ có những hạt cây... Bỗng, có tiếng chim hót sau lều, ông lão choàng tỉnh giấc. Nghĩ mãi về giấc mơ, ông chợt hiểu: "Lúa ngô gieo trồng được thì gỗ cũng vậy". Ông bèn bảo các con và dân làng

tìm hạt cây về gieo trồng. Chẳng bao lâu, những đồi cỏ đã trở thành rừng. Dân làng có gỗ để làm nhà dựng cửa.

(Truyện dân gian Tày – Nùng)



1. Ông lão nghèo mơ ước điều gì?

2. Trong giấc mơ, ông lão được các nàng tiên cho thứ gì trong chiếc hộp thứ nhất?

3. Vì sao các nàng tiên nói rằng thứ đựng trong chiếc hộp thứ hai quý hơn nhiều?

4. Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Xếp các từ ngữ dưới đây thành 3 nhóm:

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ hoạt động	Từ ngữ chỉ đặc điểm
giúp	ngắm	nghèo
chật chội	ông lão	rừng
dân làng	tìm	rộng
		trồng
		gieo trồng
		lớn
		hạt cây
		gỗ
		dựng nhà

2. Đặt câu nói về hoạt động trồng cây, gây rừng



NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện

RỪNG GỖ QUÝ

1. Kể lại câu chuyện

G:



2. Trao đổi về ý nghĩa của việc trồng rừng



CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết: Rừng gỗ quý (từ “Nghĩ mãi về giấc mơ” đến hết)

2. Chọn chữ thay cho ô vuông

a. / hoặc n:

☐ ếu nhắm mắt trong vườn ☐ ộng gió

Sẽ được nghe nhiều tiếng chim hay

Tiếng ☐ ích rích chim sâu trong ☐ á

Con chìa vôi vừa hót vừa bay...

(Vũ Quần Phương)

b. ai, ay hoặc ây:

☐ trồng c☐

☐ trồng c☐

Người đó có bóng mát

Người đó có hạnh phúc

Trong vòm c☐

Mong chờ c☐

Quên nắng xa đường d☐.

Mau lớn lên từng ng☐.

(Theo Bế Kiến Quốc)



VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN THUẬT VIỆC

1. Viết 4 – 5 câu nêu thuật lại việc trồng cây hoặc chăm sóc cây (đã chứng kiến hoặc tham gia)

G:

- Bạn đã tham gia hoặc chứng kiến trồng cây hoặc chăm sóc cây gì, ở đâu?
- Công việc đó diễn ra theo các bước như thế nào?
- Bạn có cảm nghĩ gì về công việc đó?

2. Chia sẻ bài viết và góp ý



Vận dụng: Hãy viết lại đoạn văn thuật việc theo góp ý.

BÀI 27: TIẾNG CHỎI TRE



ĐỌC

Những đêm hè
Khi ve ve
Đã ngủ
Tôi lắng nghe
Trên đường Trần Phú
Tiếng chổi tre
Xao xác
Hàng me
Tiếng chổi tre
Đêm hè
Quét rác...
Những đêm đông
Khi cơn giông
Vừa tắt
Tôi đứng trông
Trên đường lặng ngắt
Chị lao công

TIẾNG CHỎI TRE



Như sắt	Đêm đông gió rét
Như đồng	Tiếng chổi tre
Chị lao công	Sớm tối
Đêm đông	Đi về
Quét rác...	Giữ sạch lề
Nhớ em nghe	Đẹp lối
Tiếng chổi tre	Em nghe!
Chị quét	(Tố Hữu)
Những đêm hè	



1. Tác giả nghe thấy tiếng chổi tre vào những lúc nào?
2. Những chi tiết nào cho thấy chị lao công làm việc vất vả?
3. Tác giả muốn nói điều gì qua những dòng thơ dưới đây:

Chị lao công
 Như sắt
 Như đồng
 Chị lao công
 Đêm đông
 Quét rác...

4. Theo bạn, vì sao tác giả nhắc nhở mọi người hãy giữ sạch lẽ, đẹp lối?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ nói về thời tiết theo mẫu dưới đây:

Từ ngữ chỉ thời tiết mùa hè	M: nóng
Từ ngữ chỉ thời tiết mùa đông	M: rét

2. Đặt câu với từ ngữ tìm được ở bài 1

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ NGỮ CHỈ SỰ VẬT, HOẠT ĐỘNG, ĐẶC ĐIỂM; DẤU PHẪY

1. Nhìn tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động. Đặt 2 – 3 câu với từ ngữ tìm được



2. Tìm từ chỉ đặc điểm trong đoạn dưới đây

Mấy mùa hè đến

Nay mùa quả chín

Bao mùa đông sang

Thơm hương nhãn lồng

Cành non vẫy gọi

Cháu ăn quả ngọt

Lá xanh ngút ngàn.

Nhớ ông vun trồng.

(Trần Kim Dũng)

3. Chọn dấu câu thích hợp thay thế cho các ô vuông trong câu

a. Cây hồi thẳng□ cao□ tròn xoe□ Cảnh hồi giòn□ dễ hầy hơn cả cảnh khế.

(Tô Hoài)

c. Những rãnh nước được xẻ từ sông vào tưới tắm cho gốc cây bốn mùa ẩm ướt. Cóc□ mận□ măng cầu□ chôm chôm□ vú sữa□ xoài tượng□ xoài cát... mọc chen nhau.

(Vũ Đình Minh)



TẬP VIẾT

CHỮ VIẾT HOA V X

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Vạn Xuân
- Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.



VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU TÌNH CẢM, CẢM XÚC

1. Viết 4 – 5 câu nêu tình cảm, cảm xúc về công việc của chị lao công trong bài “Tiếng chổi tre” hoặc công việc của những người công dân môi trường.

G:

- Bạn muốn nói về công việc của ai?
- Công việc đó có gì khó khăn, vất vả?
- Cảm xúc, suy nghĩ của bạn về công việc đó và người làm công việc đó như thế nào?

2. Chia sẻ bài viết và góp ý



Vận dụng: Viết lại đoạn văn theo góp ý.

BÀI 28: MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA CHÚNG TA



ĐỌC

MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA CHÚNG TA

Hiện nay, tình trạng ô nhiễm môi trường đang có những diễn biến phức tạp.

Khắp nơi, cả nông thôn, thành thị, miền núi, miền biển... môi trường đều bị ô nhiễm. Theo nghiên cứu của các tổ chức bảo vệ môi trường, ở nước ta, 70% các dòng sông, 45% vùng ngập nước, 40% các bãi biển đã bị ô nhiễm, hủy hoại về môi trường; 70% các làng nghề ở nông thôn đang đứng trước nguy cơ ô nhiễm nghiêm trọng...



Bảo vệ môi trường đã trở thành nhiệm vụ cấp bách của toàn xã hội. Hãy đối xử tốt với thiên nhiên, sống thân thiện với môi trường, ta sẽ tận hưởng được những giây phút thư giãn, thoải mái trong bầu không khí trong lành, được tận hưởng những cảnh đẹp từ thiên nhiên ban tặng.

(Theo Văn Thu Thảo)



1. Tình trạng ô nhiễm môi trường được thể hiện qua các số liệu như thế nào?
2. Vì sao bảo vệ môi trường được coi là nhiệm vụ cấp bách?
3. Bài viết kêu gọi chúng ta phải làm gì để bảo vệ môi trường?
4. Nêu ý kiến nhận xét của bạn về môi trường ở địa phương mình.



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Nêu các hành động việc làm:

- Gây ô nhiễm môi trường.
- Góp phần bảo vệ môi trường.

2. Đặt 2 – 3 câu nói về hành động bảo vệ môi trường bạn có thể làm



NÓI VÀ NGHE

CUỘC SỐNG XANH

1. Nêu các việc cần làm để có cuộc sống xanh

G: Sống xanh là lối sống thân thiện với môi trường, hài hòa với thiên nhiên, không gây ô nhiễm môi trường. Làm thế nào để có cuộc sống xanh?



Hạn chế sử dụng túi nilon

Tắt điện trước khi ra khỏi nhà

Trồng nhiều cây xanh

(...)

2. Chia sẻ ý kiến

G:

- Làm việc nhóm, từng người chia sẻ ý kiến đã chuẩn bị.
- Hãy nói và đáp lời đề nghị bạn bè hưởng ứng, ủng hộ lối sống xanh.

CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết: Môi trường sống của chúng ta (từ Bảo vệ môi trường đến hết)

2. a. Chọn chữ thay cho ô vuông

- | | | | |
|-------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| (che, tre): | <input type="checkbox"/> e nắng | <input type="checkbox"/> e chở | cây <input type="checkbox"/> e |
| (chở, trở): | hiểm <input type="checkbox"/> ở | <input type="checkbox"/> ở hàng | <input type="checkbox"/> ở ngại |
| (chả, trả): | nem <input type="checkbox"/> ả | <input type="checkbox"/> ả nợ | <input type="checkbox"/> ả lại |

b. Chọn *at* hoặc *ac* thay cho ô vuông.

- Việc nhà thì nh□, việc chú bác thì siêng.

- Nhà sạch thì m□, bát sạch ngon cơm.

- Mẹ h□ con khen hay.

c. Chọn *ắt* hoặc *ắc* thay cho ô vuông.

nh□ nhỏ nh□ rác im phăng ph□ gặt ph□



ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc câu chuyện dưới đây và trả lời câu hỏi:

CHIM SƠN CA VÀ BÔNG CÚC TRẮNG

Bên bờ rào, giữa đám cỏ dại, có bông cúc trắng. Một chú sơn ca sà xuống, hót rằng:

- Cúc ơi! Cúc xinh xắn làm sao!

Cúc sung sướng khôn tả. Chim véo von mãi rồi mới bay về bầu trời xanh thẳm.

Nhưng sáng hôm sau, khi vừa xoè cánh đón bình minh, bông cúc đã nghe thấy tiếng sơn ca buồn thẳm. Thì ra, sơn ca đã bị nhốt trong lồng. Bông cúc muốn cứu chim nhưng chẳng làm gì được.

Bỗng có hai cậu bé đi vào vườn, cắt cả đám cỏ lẫn bông cúc đem về bỏ vào lồng sơn ca. Con chim bị cầm tù, hòng khô bông vì khát, rúc mỏ vật đám cỏ ẩm ướt. Cúc toả hương thơm ngào ngạt an ủi chim. Sơn ca dù khát, phải vật hết nắm cỏ, vẫn không đụng đến bông hoa.

Tối rồi, chẳng ai cho con chim khốn khổ một giọt nước. Đêm ấy, sơn ca lìa đời. Bông cúc héo lả đi vì thương xót.

(Theo AN-DEC-XEN - Nguyễn Văn Hải, Vũ Minh Toàn dịch)

a) Trước khi bị bỏ vào lồng, chim sơn ca và bông cúc sống thế nào?

b) Hành động của các cậu bé gây ra chuyện gì đau lòng?

2. Viết câu trả lời cho câu hỏi: Câu chuyện Chim sơn ca và bông cúc trắng nói với chúng ta điều gì?



Vận dụng: Tìm đọc thêm câu chuyện, bài thơ, bài văn về bảo vệ môi trường.

BÀI 29: SỰ TÍCH HỒ GƯƠM



ĐỌC

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

Giặc Minh đô hộ nước ta, làm nhiều điều bạo ngược. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa đánh giặc nhưng ban đầu thế yếu nên thường bị thua. Vì thế, đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn gươm thần để trừ giặc.

Hồi ấy, một người đánh cá tên là Lê Thận, ba lần kéo lưới đều được một thanh sắt, nhìn kĩ, hoá ra là một lưỡi gươm. Sau đó, Lê Thận theo đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn và dâng gươm cho Lê Lợi.



Ít lâu sau, một lần Lê Lợi bị giặc đuổi phải chạy vào rừng, ông bắt được một chiếc chuôi gươm nạm ngọc. Lê Lợi thử tra chuôi gươm vào lưỡi gươm của Lê Thận thì vừa như in. Lúc đó, ông mới biết đấy là gươm thần. Nhờ có gươm thần, nghĩa quân đã đánh tan quân xâm lược.

Một năm sau khi thắng giặc, Lê Lợi – lúc bấy giờ đã lên ngôi vua – đi thuyền chơi hồ Tả Vọng, rửa vàng theo lệnh của Long Quân nổi lên đòi lại gươm thần. Vua nâng gươm trả lại cho rửa vàng. Từ đó, hồ mang tên là Hồ Gươm.

(Theo Nguyễn Đồng Chi)

Từ ngữ:

- Hồ Gươm (hồ Tả Vọng): còn gọi là hồ Hoàn Kiếm, ở Thủ đô Hà Nội.
- Bạo ngược: tàn ác một cách ngang ngược, bất chấp công lí, đạo lí.

- Khởi nghĩa: cầm vũ khí đứng lên đánh đổ chế độ áp bức
- Nghĩa quân: quân đội được tổ chức nên trong cuộc khởi nghĩa.

? 1. Vì sao đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn gươm thần để trừ giặc?

2. Sau khi có gươm thần, cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân thu được kết quả như thế nào ?

3. Vì sao ngày nay hồ Tả Vọng được gọi là Hồ Gươm?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Nói tên 5 địa điểm lịch sử hoặc cảnh đẹp trên đất nước ta.

M: Đền Hùng

2. Nói 2 – 3 câu giới thiệu địa điểm lịch sử hoặc cảnh đẹp đó.

M: Ở tỉnh Phú Thọ có khu di tích Đền Hùng. Đây là nơi thờ cúng các Vua Hùng. Hằng năm, cứ đến ngày 10 tháng 3 âm lịch, người dân khắp nơi đổ về nơi đây dâng lễ tưởng nhớ, tri ân công đức của các vị vua Hùng.



NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

1. Kể lại câu chuyện Sự tích Hồ Gươm

- G:**
- a) Lê Lợi đã làm gì để đánh đuổi giặc Minh bạo ngược?
 - b) Đức Long Quân đã cho Lê Lợi mượn gươm thần như thế nào?
 - c) Gươm thần giúp cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi những gì?
 - d) Sau khi thắng giặc Minh, vua Lê Lợi trả lại gươm thần như thế nào?



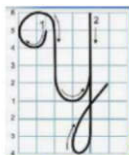
2. Trao đổi: Câu chuyện muốn ca ngợi hay giải thích điều gì?



TẬP VIẾT

CHỮ VIẾT HOA Y

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Yêu Tổ quốc.
- Yêu đồng bào.



VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU TÌNH CẢM, CẢM XÚC

Đề bài: Viết 4 – 5 câu nói về tình cảm của bạn đối với một người mà bạn quý trọng (một người anh hùng, một nhân vật trong truyện hoặc một người khác mà bạn biết).

1. Dựa vào gợi ý, viết đoạn văn theo yêu cầu

G:

- Giới thiệu người mà bạn quý trọng (tên, lí do bạn biết người đó).
- Kể về một số phẩm chất tốt của người đó, ví dụ:
 - + Đó là người nhân hậu (...).
 - + Đó là người chăm chỉ (...).
 - + Đó là người dũng cảm (...).
 - + ...
- Nêu tình cảm của bạn đối với người đó (kính trọng, yêu mến, nể phục,...).

2. Chỉnh sửa bài viết theo góp ý



Vận dụng: Tìm đọc câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo) về cảnh đẹp đất nước ta hoặc truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta.

BÀI 30: VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA



ĐỌC

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA

(Trích)

Việt Nam đất nước ta ơi!
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn.
Cánh cò bay lả rập rờn,
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.
Quê hương biết mấy thân yêu,
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau.
Mặt người vất vả in sâu,
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn.
Đất nghèo nuôi những anh hùng,
Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên.
Đạp quân thù xuống đất đen,
Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa.

(Theo Nguyễn Đình Thi)

Từ ngữ:

- Trường Sơn: dãy núi kéo dài từ thượng nguồn sông Cả trên đất Lào, giáp Nghệ An đến cực nam Trung Bộ của Việt Nam.

- Áo nâu: màu áo quen thuộc của người nông dân trước đây.



1. Những hình ảnh nào trong bài thơ nói về vẻ đẹp hiền hoà, thanh bình của đất nước ta?

2. Tìm trong bài thơ những từ ngữ, hình ảnh nói về con người Việt Nam:

- Vất vả nhưng cần cù trong lao động.



- Kiên cường, mạnh mẽ, anh hùng trong chiến đấu.
- Hiền lành, yêu hoà bình.

3. Bạn thích khổ thơ nào? Vì sao?

* Học thuộc lòng bài thơ.



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Bài thơ đem lại cho bạn cảm xúc gì về đất nước và con người Việt Nam?
2. Viết lại những điều bạn nói bằng 2 – 3 câu.



LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ NGỮ CHỈ SỰ VẬT, HOẠT ĐỘNG, ĐẶC ĐIỂM; DẤU PHẪY

1. Xếp các từ ngữ trong ngoặc thành 3 nhóm

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ hoạt động	Từ ngữ chỉ đặc điểm
-------------------	----------------------	---------------------

(mênh mông, lúa, trời, đẹp, cò, bay, mây, che, thân yêu, vất vả, nâu, nghèo, nuôi, đứng, quân thù, đất, đen, súng gươm, vút bỏ, hiền)

2. Thay ô trống bằng dấu chấm hoặc dấu phẩy để hoàn thành các câu

Bốn dòng thơ đầu khắc hoạ nên vẻ đẹp hiền hoà□ thanh bình của đất nước ta với biển lúa mênh mông□ cánh cò bay rập rờn và dãy Trường Sơn trập trùng□ hùng vĩ□ Tám dòng thơ tiếp theo là khúc ca về người Việt Nam cần cù trong lao động□ anh hùng trong chiến đấu và hiền lành□ đôn hậu.



CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết

VIỆT NAM

Có nơi đâu đẹp tuyệt vời
 Như sông, như núi, như người Việt Nam!
 Đầu trời ngát đỉnh Hà Giang,
 Cà Mau cuối đất mỡ màng phù sa.
 Trường Sơn: chí lớn ông cha,
 Cửu Long: lòng mẹ bao la sóng trào.
 Mặt người ánh sáng tự hào,
 Dáng đi cũng lấp lánh màu tự do.

(Lê Anh Xuân)

2. Chọn chữ hoặc vần thay cho ô trống

a) Chữ s hoặc x

sản □uất năng □uất bổ □ung □ung phong

say □ưa ngày □ưa lịch □ử xét □ử

b) Vần âi hoặc âc

nh□ chân giải nh□ □nổi bật b□ thang

c) Vần ươt hoặc ươc

đến l□ nói sơ l□ □ muốn mưa □ áo

3. Tìm và viết 2 – 4 từ ngữ có tiếng chứa âm hoặc vần dưới đây:

a) Chữ s hoặc x.

b) Vần âi hoặc âc.

c) Vần ươt hoặc ươc.



VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT LỜI CẢM ƠN HOẶC XIN LỖI

Đề bài: Dựa vào tranh, hãy viết 4 – 5 câu nói về cuộc trò chuyện giữa hai bạn Linh và Thanh. Chú ý viết đoạn văn có lời khen ngợi, lời cảm ơn.

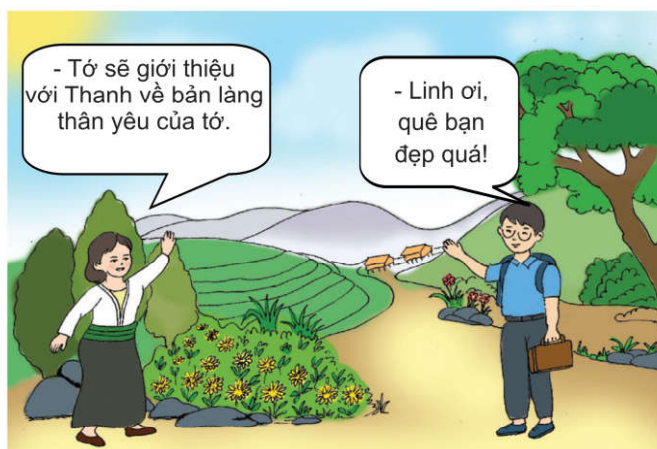
1. Dựa vào tranh và gợi ý, viết đoạn văn theo yêu cầu

G:

– Linh giới thiệu với Thanh những gì?

– Được chứng kiến cảnh đẹp của quê hương Linh, Thanh khen ngợi như thế nào?

– Thanh nói gì để đáp lời khen ngợi của Linh?



2. Chỉnh sửa bài viết theo gợi ý



Vận dụng: Khi nào nên nói lời cảm ơn? Khi nào nên nói lời xin lỗi?

BÀI 31: PHONG CẢNH QUÊ BÁC



ĐỌC

PHONG CẢNH QUÊ BÁC



“Đường vô xứ Nghệ quanh quanh

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.”

Câu hát của người xưa cứ ngân nga trong tâm trí chúng tôi trên con đường chúng tôi đi về quê Bác.

Giữa khung cảnh vẫn “non xanh nước biếc” như xưa, chúng tôi mãi mê nhìn những cánh đồng chiêm mơn mớn, những chiếc cầu sắt mới tinh duyên dáng, những mái trường, những mái nhà tươi roi rói bên cạnh rặng tre non và những nhà máy cứ mọc lên, mọc lên như trong một giấc mơ kì diệu.

Trước mặt chúng tôi, giữa hai dãy núi là nhà Bác với cánh đồng quê Bác. Nhìn xuống cánh đồng có đủ các màu xanh xanh pha vàng của ruộng mía, xanh rất mượt của lúa chiêm đương thời con gái, xanh đậm của những rặng tre và rất nhiều màu xanh khác nữa.

Cả cánh đồng thu gọn trong tầm mắt, làng nổi làng, ruộng tiếp ruộng. Cuộc sống ở đây có một cái gì mặn mà, ấm áp...

(Theo Hoài Thanh – Thanh Tịnh)



1. Thiên nhiên quê Bác có gì đẹp?

2. Những chi tiết nào cho thấy người dân đã làm cho phong cảnh quê hương thêm đẹp đẽ, sinh động?

3. Bạn hiểu như thế nào về câu cuối bài?

* Học thuộc câu ca dao trong bài đọc.



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm trong bài đọc từ ngữ chỉ đặc điểm của mỗi từ ngữ chỉ sự vật trong bảng dưới đây:

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm
đường đi	M: quanh quanh
non	...
nước	
lúa chiêm	
mía	
tre	
chiếc cầu	
mái trường, mái nhà	

2. Dựa vào ảnh của bài đọc, viết 2 – 3 câu về cảnh đẹp quê hương Bác.



NÓI VÀ NGHE

QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

1. Chuẩn bị ý kiến để giới thiệu về một di tích lịch sử hoặc một cảnh đẹp trên đất nước ta

G: Viết ra nháp:

- Tên di tích lịch sử hoặc cảnh đẹp đó.
- Những điều bạn biết về di tích lịch sử (hoặc cảnh đẹp) đó.
- Cảm nghĩ của bạn về di tích lịch sử (hoặc cảnh đẹp) đó.

2. Chia sẻ ý kiến của mình

G:

– Trao đổi trong nhóm, lần lượt chia sẻ ý kiến của bản thân; hỏi thêm những điều chưa rõ.

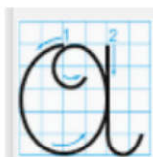
– Chú ý nói và đáp lời khen ngợi phù hợp với các tình huống của cuộc trao đổi.



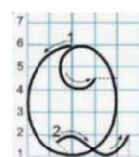
TẬP VIẾT

CHỮ VIẾT HOA A Ă Â Q (KIỂU 2)

1. Viết chữ hoa



ă â



2. Viết ứng dụng

- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
- Ắm áp tình quê.
- Quê hương đất nước.



ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc bài thơ dưới đây và trả lời câu hỏi:

TỔ QUỐC EM

(Trích)



Tổ quốc em có suối đèo
Núi non trùng điệp, lá reo nhạc rừng
Trường Sơn mây phủ mấy tầng

Áo xanh chiến sĩ xanh cùng sắc cây.
Tổ quốc là biển dâng đầy
Triều lên con sóng vỗ ngay trước thềm
Ra khơi buồm đợi gió lên
Buồm hay cánh bướm vẫy nghiêng chân trời.
Bao nhiêu trang sử chói ngời
Làm nên Tổ quốc, cuộc đời, quê hương
Cho em tất cả tình thương
Cho em nối bước con đường hôm nay.
(Định Hải)



- a. Tìm trong bài thơ những hình ảnh về:
- Thiên nhiên tươi đẹp của thiên nhiên đất nước ta.
 - Những người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc.
 - Cuộc sống lao động của nhân dân ta.
- b. Khổ thơ nào thể hiện rõ nhất tình cảm tự hào của tác giả về truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta?

2. Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ về bài thơ

BÀI 32: TỪ CHÚ BÒ CÂU ĐẾN IN-TƠ-NÉT



ĐỌC

TỪ CHÚ BÒ CÂU ĐẾN IN-TƠ-NÉT

Ngoài trò chuyện trực tiếp, con người còn nghĩ ra rất nhiều cách để trao đổi với nhau khi ở xa.

Từ xa xưa, người ta đã biết huấn luyện bồ câu để đưa thư. Bồ câu nhớ đường rất tốt. Nó có thể bay qua một chặng đường dài hàng nghìn cây số để mang thư đến đúng nơi nhận.



Những người đi biển còn nghĩ ra cách bỏ thư vào trong những chiếc chai thủy tinh. Nhờ sóng biển, những chiếc chai này được đẩy vào đất liền. Có những bức thư vài chục năm sau mới được tìm thấy.

Ngày nay, việc trao đổi thông tin dễ dàng hơn rất nhiều. Bạn có thể viết thư, gọi điện cho người khác. Nhờ có In-tơ-nét, bạn cũng có thể nhìn thấy người nói chuyện với mình, dù hai người đang ở cách nhau rất xa.

(Theo Tiếng Việt 2 – NXB Giáo dục Việt Nam 2021)

Từ ngữ

- In-tơ-nét: mạng kết nối các máy tính trên toàn thế giới.
- Huấn luyện: giảng dạy và hướng dẫn luyện tập.



1. Từ xa xưa, bồ câu đã giúp con người việc gì?
2. Những người đi biển đã nghĩ ra cách nào để gửi thư?
3. Ngày nay, chúng ta có thể trao đổi thông tin bằng những cách nào?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Sắp xếp các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp:

xa	ngĩ	tốt	dài	trao đổi
đưa	nhiều	bay	đi	tìm

a) Từ ngữ chỉ đặc điểm

b) Từ ngữ chỉ hoạt động

2. Đặt 1 - 2 câu với từ ngữ ở bài tập 1.



NÓI VÀ NGHE

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Chuẩn bị ý kiến để trình bày

G: Có thể chọn một trong hai đề tài sau:

a) Nếu cần trò chuyện với người ở xa, anh/chị chọn phương tiện nào? Vì sao?

b) Theo bạn, In-tơ-nét có vai trò như thế nào với cuộc sống con người?

2. Chia sẻ về các cách trao đổi thông tin (hoặc vai trò của In-tơ-nét trong cuộc sống)

G: Làm việc nhóm, lần lượt từng người trình bày ý kiến của mình.



CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết: Từ chú bồ câu đến In-tơ-nét (từ Ngày nay ... đến hết).

2. Chọn chữ hoặc vần phù hợp với ô trống:

a) *r, d* hoặc *gi*.

Hoa ☐ấy đẹp một cách ☐ản ☐ị. mỗi cánh hoa ☐ống hết một chiếc lá, chỉ có điều mỏng manh hơn và có màu sắc ☐ực ☐ỡ.

(Theo Trần Hoài Dương)



b) in hoặc inh.

Con chim bói cá xanh biếc, mỏ nó nhỏ,
mỏ nó dài, lông ức nó màu hung hung nâu,
nhỏ xỏ lạ.

(Theo Lê Văn Hội)



VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN THUẬT VIỆC

Đề bài: Viết 4 - 5 câu kể về một buổi đi chơi của anh/chị cùng gia đình
(hoặc bạn bè).

1. Dựa vào gợi ý, viết đoạn văn theo yêu cầu

G:

a) Anh/chị đã được đi
đâu, vào thời gian nào?
Đi cùng với ai?

c) Nêu cảm nghĩ
của anh/chị
về chuyến đi

Kể về một
buổi đi chơi

b) Mọi người
làm những gì?

d) Anh/chị và mọi người
có cảm xúc như thế nào
trong chuyến đi đó?

2. Chỉnh sửa bài viết theo góp ý



Vận dụng: Viết vào sổ tay một số cách trao đổi thông tin ngày nay.

BÀI 33: CÁ SẤU SỢ CÁ MẬP



ĐỌC

CÁ SẤU SỢ CÁ MẬP

Có một khu du lịch ven biển mới mở khá đông khách. Khách sạn nào cũng hết sạch cả phòng. Bỗng xuất hiện một tin đồn làm cho mọi người sợ hết hồn: hình như ở bãi tắm có cá sấu.

Một số khách đem ngay chuyện này ra hỏi chủ khách sạn:

- Ông chủ ơi! Chúng tôi nghe nói bãi tắm này có cá sấu. Có phải vậy không, ông ?

Chủ khách sạn quả quyết:

- Không ! Ở đây làm gì có cá sấu!
- Vì sao vậy?
- Vì những vùng biển sâu như thế này nhiều cá mập lắm. Mà cá sấu thì rất sợ cá mập.

Các vị khách nghe xong, khiếp đảm, mặt cắt không còn một giọt máu.

(Theo truyện vui nước ngoài)

Từ ngữ:

- Tin đồn: tin lan truyền từ người này qua người khác.
- Quả quyết: khẳng định chắc chắn.
- Cá mập: loại cá biển lớn, rất dữ.
- Mặt cắt không còn giọt máu: sợ trắng bệch cả mặt.



1. Tin đồn gì xảy ra với khách sạn?
2. Ông chủ khách sạn quả quyết điều gì?
3. Vì sao khi nghe ông chủ giải thích xong, khách lại sợ hơn?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ 5 chỉ sự vật trong truyện vui.
2. Đặt 1 - 2 câu về lí do mọi người cười ông chủ khách sạn trong truyện trên.



LUYỆN TỪ VÀ CÂU

CÂU GIỚI THIỆU

LUYỆN TẬP VỀ CÁC DẤU CÂU ĐÃ HỌC

1. Chọn từ ngữ ở cột A phù hợp với từ ngữ ở cột B để tạo câu giới thiệu

A

Thư viện
Ti vi
Điện thoại

B

là nơi cung cấp cho chúng ta nhiều chương trình truyền hình thú vị.
là phương tiện để chúng ta trò chuyện với người ở xa
là nơi lưu trữ cho chúng ta biết bao cuốn sách hay.

2. Chọn dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than phù hợp với ô trống:

Câu hỏi của bé

Bé nhìn thấy những chú ong bay về phía cánh đồng hoa□ Bé hỏi:

- Những chú ong bay tới đó để làm gì hả mẹ□
- Chúng bay đi tìm hoa lấy mật đấy□
- Những chú ong không sợ lạc đường hả mẹ□

Mẹ dịu dàng trả lời:

- Không đâu□ Chúng luôn nhớ đường về nhà, con ạ□

(Theo Trà Ngân)

3. Chọn dấu chấm hoặc dấu phẩy thay cho ô trống

Cảng Cam Ranh (Khánh Hòa) của nước ta được xếp ngang hàng với những cảng thiên nhiên lớn nhất thế giới□ Quanh năm□ lúc nào Cam Ranh cũng bình yên□ êm ả□ Mặt nước xanh biếc□ bầu trời cao lồng lộng□ Cảnh sắc thiên nhiên đầy chất thơ ấy khiến du khách tới đây đều ngơ ngẩn.

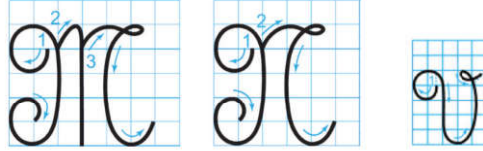
(Theo Đắc Trung)



TẬP VIẾT

CHỮ VIẾT HOA M N V (KIỂU 2)

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.
- Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông.
- Vững như kiềng ba chân.



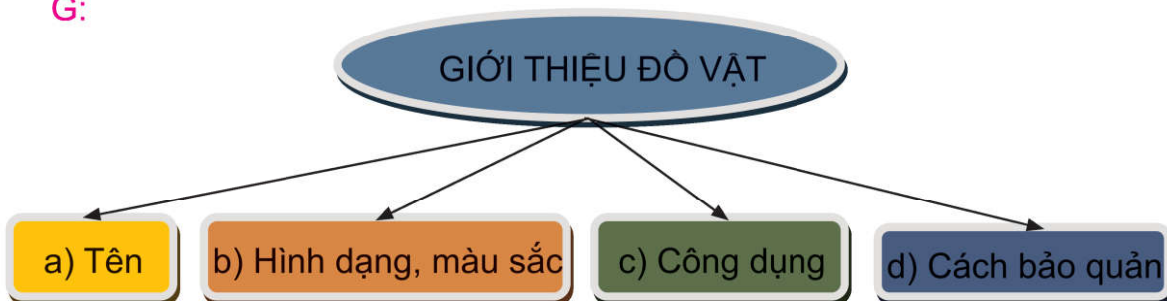
VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU ĐỒ VẬT

Đề bài: Viết 3 – 5 câu giới thiệu một đồ vật anh/chị thường dùng hằng ngày.

1. Dựa vào gợi ý dưới đây, viết đoạn văn theo yêu cầu

G:



2. Chỉnh sửa bài viết theo góp ý



Vận dụng: Viết 1 - 2 câu nói về cách giữ gìn đồ vật anh/chị thường dùng hằng ngày.

BÀI 34: MỘT SỐ THƯ VIỆN NỔI TIẾNG TRÊN THẾ GIỚI



ĐỌC

MỘT SỐ THƯ VIỆN NỔI TIẾNG TRÊN THẾ GIỚI



Thư viện Geisel –
Trường Đại học
California – Mỹ

a) Thư viện Geisel – Trường Đại học California – Mỹ

Thư viện Geisel là một trong những tòa nhà thư viện hiện đại nhất thế giới. Bề ngoài của Geisel trông giống như một con tàu vũ trụ.



Thư viện Matsubara
– Nhật Bản



Thư viện Beitou
- Đài Loan

b) Thư viện Matsubara – Nhật Bản

Thư viện Matsubara là công trình kiến trúc độc đáo, được xây dựng giữa ao hồ mênh mông nước. Các cửa sổ trong thư viện được bố trí một cách hợp lý để người đọc vừa có thể học tập, vừa ngắm nhìn và đón nhận luồng khí mát lành từ mặt hồ xung quanh.

c) Thư viện Beitou – Đài Loan

Thư viện Beitou được làm từ gỗ và thép cùng thiết kế đặc biệt tận dụng tối đa nguồn năng lượng tự nhiên. Nét “xanh” của thư viện thể hiện ở việc thư viện đóng vai trò tích cực trong việc cải thiện môi trường bằng cách tiết kiệm năng lượng và nước.

(Theo Thuần San tổng hợp)



1. Thư viện nào trông giống như một con tàu vũ trụ?

2. Thư viện Matsubara có điểm gì đặc biệt?
3. Vì sao thư viện Beitou còn được gọi là thư viện “xanh”?



Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Đặt câu giới thiệu về một trong ba thư viện trên.
2. Anh/chị thích mong muốn được đọc sách trong thư viện được thiết kế như thế nào? Vì sao?



NÓI VÀ NGHE

NHỮNG PHÁT MINH LÀM THAY ĐỔI CUỘC SỐNG

1. Chuẩn bị ý kiến để trình bày

- G:** a) Anh/chị muốn nói tới phát minh nào?
 b) Phát minh đó đã làm thay đổi cuộc sống con người như thế nào?
 c) Điều gì khiến anh/chị ấn tượng với phát minh đó?

2. Chia sẻ về phát minh làm thay đổi cuộc sống

G: Làm việc nhóm, lần lượt từng người trình bày nội dung đã chuẩn bị.

3. Giả sử anh/chị muốn mời bạn tới nhà mình chơi, anh/chị sẽ nói thế nào?



ĐỌC

1. Nghe – viết

GẤU TRÚC

Gấu trúc là một loại gấu có nguồn gốc tại Trung Quốc. Nó dễ dàng được nhận ra bởi các mảnh vá đen, lớn xung quanh mắt, trên tai và trên cơ thể. Gấu trúc sống trên cạn. Chế độ ăn chủ yếu của nó là tre, trúc.

(Theo Bách khoa thư mở)



2. Chọn lo hoặc no thay cho ô trống

Ơ con sao sáo về rừng
 Gặp cơn gió thổi thì đừng có □
 Vào đây ăn lúa, ăn ngô
 Sáo ăn cho béo cho □ bằng trời.

(Ca dao)



3. Chọn những từ ngữ viết đúng chính tả

- a. ☐ kim khâu ☐ kiem khâu ☐ con nhím ☐ con nhiễm
b. ☐ nghim khắc ☐ nghiêm khắc ☐ cần kịm ☐ cần kiệm
c. ☐ trốn tìm ☐ trốn tiêm ☐ kỉ nịm ☐ kỉ niệm



ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi:

THÁC NI-A-GA-RA



Thác Ni-a-ga-ra là một trong những thác nước nổi tiếng thế giới được thiên nhiên ban tặng. Thác Ni-a-ga-ra nằm ở phía Bắc châu Mỹ, trên sông Ni-a-ga-ra, con sông biên giới của Mỹ và Ca-na-đa. Năm 1678 một nhà truyền giáo người Pháp tên là Ken-ni-pin khi phát hiện ra thác nước này đã ca ngợi hết lời và giới thiệu rộng rãi cho nhiều người biết, sau đó du khách tới tham quan ngày càng nhiều. Thác Ni-a-ga-ra có lượng nước lớn và ổn định, thuộc loại thác có trữ lượng nước lớn nhất thế giới. Thác Ni-a-ga-ra không chỉ có cảnh đẹp mà còn là nguồn tài nguyên rất phong phú. Cả Mỹ và Ca-na-đa đều xây dựng những nhà máy sản xuất điện lực lớn gần thác.

(Theo Hoàng Nghĩa)



- a. Thác Ni-a-ga-ra nằm ở đâu?
b. Thác Ni-a-ga-ra có điểm gì đặc biệt?

2. Viết 2 – 3 câu nói lên cảm nhận của anh/chị về thác Ni-a-ga-ra.

BÀI 35: ÔN TẬP



ĐỌC

1. Đọc và trả lời câu hỏi

GIAO MÙA

Bây giờ là lúc giao mùa. Đông chưa hết, mùa xuân thì chưa tới. Cây đại rụng gần hết lá, trên ngọn cao chỉ còn lại vài bông hoa cuối cùng. Khế đang chín những chùm quả mới để chào đón Tết. Cây bưởi bắt đầu nhú những nụ hoa xinh xinh. Hồng xiêm đã đơm lên đầu cành những trái tròn nâu be bé. Giàn nhót rụng hoa lấm tấm như sao sa. Tất cả đang sửa soạn để đón mùa xuân đầy.

Năm nay, tất cả các cây trong vườn của ông tôi đều lên bảy tuổi. Còn ông tôi thì đã bảy mươi tuổi chẵn. Nép vào lòng ông, tôi thầm nghĩ: “Ông ơi, ông đừng thêm tuổi nữa, để chúng cháu mãi mãi được ở bên ông, được chăm sóc cây cối trong vườn ông...”.

Nhưng làm sao tôi bắt được mùa đông ngừng lại và mùa xuân không tới? Làm sao tôi buộc được bưởi không ra hoa ngào ngọt vào những tháng giêng, hai?

(Vũ Tú Nam)



1. Bạn hiểu thế nào là giao mùa?

2. Ghép ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B để đúng ý trong bài.

Cây đại	đang chín những chùm quả mới.
Cây khế	rụng gần hết lá, chỉ còn vài bông hoa cuối cùng.
Cây bưởi	rụng hoa lấm tấm như sao sa.
Hồng xiêm	nhú những nụ hoa xinh xinh.
Giàn nhót	đã đơm những trái tròn nâu be bé.

3. Nêu nhận xét về vườn cây lúc giao mùa.
4. Tình cảm của nhân vật “tôi” đối với ông được thể hiện qua những chi tiết nào?
5. Tác giả muốn nói với chúng ta điều gì qua 2 câu cuối bài?
6. Xếp các từ ngữ dưới đây vào 3 nhóm cho phù hợp.

ông	chăm sóc	cao	bông hoa	chùm quả	chào đón
sửa soạn	vườn	ngào ngọt	buộc	be bé	xinh xinh

Từ ngữ chỉ sự vật

Từ ngữ chỉ hoạt động

Từ ngữ chỉ đặc điểm

7. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm trong đoạn văn dưới đây:

Bọn trẻ đi men theo bờ suối. Dòng nước chảy róc rách dưới hàng dâu da lủng lẳng những chùm quả đỏ mọng. Một vài cây vả ngã ngọn xuống mặt nước, đưa đẩy những chiếc lá to bản. Lũ trẻ chui vào gốc hái quả chín, bửa ra hút lấy mật ngọt. Chúng ném cùi xuống suối cho trôi bồng bênh rồi đứng nhìn đàn cá mương bơi lội, thoăn thoắt đuổi theo rĩa mồi.

(Theo Vũ Hùng)

8. Chọn dấu câu thích hợp thay cho ô trống.

QUẢ BÍ, CÁI XANH

Có hai anh chàng đi đường xa, một anh trông thấy cái miếu liền nói khoác với bạn:

- Tôi từng trông thấy một quả bí to bằng cái miếu này□

Anh bạn lắc đầu:

- Thế thì có gì lạ nhỉ□ tôi còn trông thấy cái xanh to đúng bằng cái đình làng□

Anh kia ngạc nhiên:

- Cái xanh to như thế dùng để làm gì□

Anh bạn thủng thẳng đáp:

- Để nấu quả bí của cậu, chứ còn để làm gì□

(Theo Truyện cười dân gian Việt Nam)



VIẾT

1. Nghe – viết

NHỚ CON

Mẹ nghề y nhiều đêm trực vắng nhà
Tròn một tuổi, gửi con về quê ngoại
Con xa rồi, mẹ thức với mộng mênh
Quờ cánh tay thấy giường chiếu rộng
Võng cời rồi, còn dây buộc võng
Tiếng à ơi vương vấn ở hai đầu...

(Vương Trọng)

2. Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

- Viết 4 - 5 nêu tình cảm, cảm xúc đối với một người mà mình yêu quý.
- Viết 4 - 5 câu giới thiệu một đồ gia dụng.

TÀI LIỆU HỌC XÓA MÙ CHỮ

- TIẾNG VIỆT KỲ 2

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa - TP Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860753

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập: Nguyễn Thảo Nguyên

Vẽ bìa: Vũ Thị Bình Minh

Sửa bản in: Phạm Kim Ngân

Trình bày sách: Nguyễn Hữu Long

Chế bản: Nguyễn Hữu Long

LIÊN KẾT XUẤT BẢN: CÔNG TY CP SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ

In 1.140 cuốn, khổ 19 x 26,5cm tại Nhà máy In Bộ Quốc phòng, Địa chỉ: Thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 3671-2023/CXBIPH/24-132/DT

Quyết định xuất bản số: 3223/QĐXB-NXBĐT do Nhà xuất bản Dân Trí cấp ngày 20 tháng 11 năm 2023.

Mã ISBN: 978-604-40-0246-0

In xong, nộp lưu chiểu quý IV năm 2023